

CHI TIẾT CÂU ĐỀ THI

Tên Bộ Đề Thi: qn

Môn học : Công nghệ may 1_15.12.10

Thời gian thi : 60

Giáo viên soạn đề : (đã duyệt và ký tên)

Số câu hỏi : 353

Ngày soạn đề : 13/09/2012 (NVKT: admin)

Câu 1: Tác dụng của kim gút là:

- A. Lọc 2 hay nhiều lớp vải bằng tay
- B. May 2 hay nhiều lớp vải bằng tay
- C. May 2 hay nhiều lớp vải bằng máy
-  D. Gim đường xẹp, nếp gấp định hình vải

Câu 2: Dụng cụ may được dùng để đo và vẽ các bộ phận của quần áo trước khi cắt là:

- A. Phấn vẽ
- B. Thước cong
- C. Thước dây
-  D. Thước thông

Câu 3: Dụng cụ để ủi vai và ủi tay là:

- A. Bàn ủi nhiệt
- B. Bàn ủi hơi
- C. Giũi ủi tròn
-  D. Giũi ủi dài

Câu 4: Dụng cụ để làm khuy có lỗ tròn là:

- A. Đê
- B. Cây đẩy nhún vải
-  C. Đục lỗ
- D. Dùi đục dẹt

Câu 5: Khi vẽ các đường cong nách áo, đáy quần, ta dùng dụng cụ:

- A. Thước dây
- B. Thước thông
-  C. Thước cong
- D. Thước vuông góc

Câu 6: Khi cần ủi dẹt trên vải hoặc trên giấy ta sử dụng dụng cụ nào:

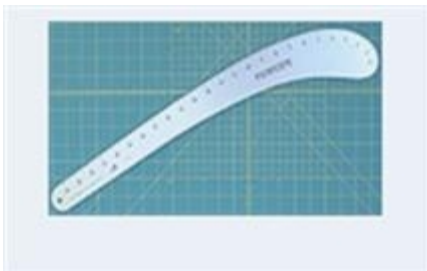
-  A. Dùi đục dẹt
- B. Kim gút
- C. Kim may tay
- D. Kim may máy

Câu 7: Hình ảnh dưới đây mô tả cho dụng cụ nghề may nào:



- A. Đê
- B. Kim bấm dũi
- C. Dũi lấy dũi
- D. Cái đúc l

Câu 8: Tác dụng của dụng cụ này:



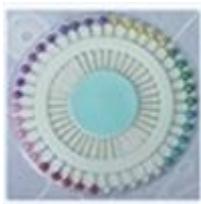
- A. Kiểm tra kích thước của sản phẩm
- B. Lấy số đo trực tiếp trên cơ thể
- C. Vẽ các bộ phận của quần áo trước khi cắt
- D. Vẽ đường cong nách áo, đáy quần

Câu 9: Dụng cụ nào để may và lấy dũi trên vải hoặc trên giấy:

A.



B.



C.



D.



Câu 10: Bên yếu tố đồng thời tác động lên với trong quá trình là:

- ☒ A. Nhiệt độ, áp suất, thời gian và độ ẩm
- B. Nhiệt độ, áp lực, thời gian và công suất
- C. Thời gian, lực nén, lực ép, độ ẩm
- D. Độ ẩm, nhiệt độ, lực ép, lực nén

Câu 11: Tác động của áp suất trong quá trình là:

- A. Rút ngắn thời gian
- B. Làm cho vải mềm mại, drape hơn
- ☒ C. Làm cho những chỗ nhàu và nếp gấp trên vải được phẳng ra
- D. Làm cho sợi vải không bị dòn cứng và bị bong sau khi ủi.

Câu 12: Săn phom sau khi ủi bị thay đổi hình dáng, màu sắc là do:

- A. Ủ chưa đủ nhiệt
- B. Dùng hơi nước hoặc xịt nước trong khi
- ☒ C. Thời gian ủi lâu, áp lực lớn, nhiệt độ cao
- D. Ủ săn phom chính qua mặt tấm vải ẩm đặt trên vải chính

Câu 13: Khi ủi ở nhiệt độ cao, bàn ủi không được di chuyển liên tục trên mặt vải sẽ làm cho:

- A. Cháy xém hoặc bóng mặt vải
- B. Sợi vải bị nén ép xuống khiến độ dày của nguyên liệu giảm đi
- C. Sợi vải không bị dòn cứng và bị bóng khi ủi
- ☒ D. Săn phom may bị giảm độ bền, thay đổi màu sắc, hình dáng bên ngoài.

Câu 14: Tác động của việc ép mex (keo) trên săn phom may:

- A. Gia tăng độ cứng, độ phẳng cần thiết cho săn phom, góp phần tăng giá trị của săn phom
- B. Giúp săn phom dễ may hơn
- C. Nâng cao năng suất may

 D. Tất cả đều đúng

Câu 15: Sau khi ép keo, keo không thấm đều lên bề mặt của chi tiết, làm bề mặt của chi tiết bị lồi lõm không phẳng là do:

- A. Bề mặt đặt cao, bàn di chuyển liên tục
- B. Dùng bàn di hời hoặc di qua mặt miếng vải ẩm
- C. Thời gian tiếp xúc giữa bàn di và chi tiết còn ép keo chưa đủ

 D. Tất cả đều đúng.

Câu 16: Kỹ thuật ép keo giầy khác kỹ thuật ép keo với 3 chỗ:

- A. Nhiệt độ thấp hơn
- B. Lực nén, áp suất thấp hơn
- C. Thời gian di chuyển bàn di nhanh hơn

 D. Tất cả đều đúng

Câu 17: Với đồng hồ số đồng hồ làm với độ trong của tạo ra đồng hồ là:

- A. Với đồng hồ
- B. Với đồng hồ kim

 C. Với không đồng hồ

D. Tất cả đều đúng

Câu 18: Đồng hồ may dệt là:

- A. Đồng hồ may có 2 mặt phải trái giống nhau, đồng hồ may thông, mũi may ngắn, không cách đều, dùng để may nỉ
- B. Đồng hồ may dùng để in định với sợi may hoặc định hình vị trí mép với gập
- C. Đồng hồ may thay cho đồng hồ sang đầu phần

 D. Đồng hồ may dùng để may nỉ các bộ phận không thể may máy hoặc may máy gập nhiều khó khăn.

Câu 19: Mũi may vết ch V thông được dùng để:

 A. Lên lai áo, quần

B. Luôn tà, lai áo dài

C. Luôn tà, lai áo bà ba

D. Làm khuy đều tròn cho áo vest.

Câu 20: Sau khi thực hiện mũi may vết ch V, mặt phải sẽ phồng bị lõm nhưng mũi ch là do:

- A. Sợi đồng hồ đến khi vết
- B. Vết ch V theo chiều từ phải sang trái

 C. Lỗi quá nhiều canh ch trên mặt phải sẽ phồng

D. Tất cả đều sai

Câu 21: Sợi phồng bị nhăn vụn sau khi vết V là do:

 A. Rút ch quá mạnh tay

B. Vết V theo chiều từ trái sang phải

C. Sợi đồng hồ đến khi vết

D. Số đũa chỉ đôi khi vút

Câu 22: Đũa may dùng để may những nếp xấp cạp với những mũi chỉ không bị lộ ra cả 2 mặt của sản phẩm:

A. Đũa may can

B. Đũa may nỉ

 C. Đũa may luôn

D. Đũa may lóc

Câu 23: Đũa may có mặt ngoài lòn, mặt trong lộ ra các đũa may nằm xéo nhau, thũa dùng để lên lai áo, lai quần... có tên gọi là:

A. Đũa may luôn

 B. Đũa may vút thũa

C. Đũa may đút

D. Đũa may lóc sang đều

Câu 24: Lai tà áo dài, áo bà ba thũa được hoàn tất bằng:

A. Đũa may vút V

B. Đũa may vút thũa

C. Đũa may đút

 D. Đũa may luôn

Câu 25: Lai hay tà áo dài, áo bà ba sau khi hoàn tất bị nhăn dúm là do:

 A. Khoảng cách cạp chỉ và vùi không bằng nhau

B. Kim dùng để luôn là kim nh

C. Số đũa chỉ độn khi luôn

D. Tất cả đều đúng

Câu 26: Khi may vút thũa, nếu lấy nhiều canh chỉ trên thân sản phẩm sẽ gây ra sai hỏng:

A. Đũa may vút bị nhăn dúm

 B. Mặt phải bị lộ mũi chỉ

C. Các đũa vút không đều nhau

D. Sản phẩm không bền chắc

Câu 27: Lai áo sau khi vút V bị vùn là do:

A. Lấy nhiều canh chỉ trên thân sản phẩm

B. Lấy ít canh chỉ trên thân sản phẩm

 C. Không lóc lại nệm êm trước khi vút

D. Rút chỉ quá nh tay

Câu 28: Số áo, số quần thũa được may bằng:

A. Đũa may vút V

 B. Đũa may can

C. Đũa may lòn

D. Đường may ép

Câu 29: Đường may th 2 của đường may diu được thực hiện trên:



- A. Một phôi của 2 lớp vải
- B. Một trái của 2 lớp vải
- C. Một phôi lớp vải th nhất và một trái lớp th 2
- D. Một trái lớp th nhất và một phôi lớp th 2

Câu 30: Công dụng chính của đường may lòn:



- A. Trang trí cho sản phẩm
- B. Giúp sản phẩm bền chắc hơn
- C. Giảm công đoạn vát s và tiết kiệm chi phí
- D. Tất cả đều đúng

Câu 31: Khi may lòn, đường may th nhất ta đặt 2 lớp vải:



- A. 2 mặt phôi úp vào nhau
- B. 2 mặt trái úp vào nhau
- C. 2 mặt phôi úp vào nhau, lớp vải th nhất le ra so với lớp th hai 0,7cm
- D. 2 mặt trái úp vào nhau, lớp vải th 2 le ra so với lớp vải th nhất 0,7cm.

Câu 32: Mép vải bị lộ ra mặt phôi sản phẩm sau khi may lòn là do:



- A. Đường may th nhất cách mép vải từ 0,5
- B. Khoảng cách đường may th 2 nhỏ hơn mép vải còn lại
- C. Không gặt s mép vải trước khi may đường lòn đường th hai
- D. Tất cả đều đúng

Câu 33: Những sản phẩm cần được bền chắc hơn như quần áo bảo hộ lao động, quần đùi... thường được may bằng các đường may:



- A. Đường may lòn và đường may diu
- B. Đường may can và đường may diu
- C. Đường may lòn và đường may ép
- D. Đường may diu và đường may ép

Câu 34: Nguyên tắc khi nối mặt lớp vải cạnh xéo và mặt lớp vải cạnh ngang là :



- A. Đặt cạnh xéo nằm dưới, cạnh ngang nằm trên, nằm ch 2 đầu may cách mép 0,5cm.
- B. Cạnh ngang nằm dưới, cạnh xéo nằm trên, nằm ch 2 đầu may cách mép 0,7cm.
- C. Không quan trọng cạnh nào nằm trên, dưới chỉ cần nằm ch 2 đầu cho bằng nhau rồi may cách mép 1cm.
- D. May cùng mặt đường đối với cạnh xéo rồi đặt cạnh xéo nằm trên, nằm ch 2 đầu may cách mép 1-1,5cm.

Câu 35: Cạnh d là cạnh:



- A. Vuông góc với biên vải
- B. Song song với biên vải
- C. Bình thiên mặt góc 30°

D. Biên thiên so với biên với.

Câu 36: Canh xéo là canh:

A. Vuông góc với biên với

B. Song song với biên với

 C. Biên thiên so với biên với

D. Nghiêng mặt góc 30 độ so với biên với

Câu 37: Canh vuông góc với biên với có tên gọi là:

 A. Canh ngang

B. Canh dọc

C. Canh thông

D. Canh xéo

Câu 38: Các chi tiết lớn của sản phẩm thông được cắt theo canh với:

A. Canh ngang

B. Canh xéo

 C. Canh thông

D. Với miệng canh ngang, với đáy canh thông

Câu 39: Có độ giãn lớn nhất là canh với :

A. Vuông góc với biên với

B. Song song với biên với

C. Biên thiên so với biên với

 D. Biên thiên so với biên với mặt góc 45°

Câu 40: Có độ giãn bé nhất là canh với :

A. Tạo mặt góc 90° so với biên với

 B. Song song với biên với

C. Tạo mặt góc 30° so với biên với

D. Biên thiên so với biên với mặt góc 45°

Câu 41: Công thức tính bề rộng dây viền tròn đôi:

 A. $2x$ (3 lần thành phẩm viền + 2mm)

B. 4 lần thành phẩm viền + 2mm

C. Thành phẩm viền + 1,2 cm

D. Thành phẩm viền + 0,5cm

Câu 42: Công thức tính bán thành phẩm bề rộng dây viền tròn chần

A. Thành phẩm viền + 1,2 cm

B. Thành phẩm viền + 0,5cm

C. $2x$ (3 lần thành phẩm viền + 2mm)

D. 4 lần thành phẩm viền + 2mm



Câu 43: Bề rộng viền dẹt lút ra ngoài được tính theo công thức

- A. $2x$ (3 lần thành phẩm viền + 2mm)
- B. 4 lần thành phẩm viền + 2mm



- C. Thành phẩm viền + 1,2 cm
- D. Thành phẩm viền + 0,5cm

Câu 44: Đùi với áo viền tròn, khi may xong vòng cổ hoặc vòng nách trên thân bị bai giãn, không ôm sát vào cổ thì nguyên nhân là do:

- A. Cột với viền không đúng canh sợi
- B. Nẹp viền không khít với thân



- C. Uốn thân theo dây viền khi may
- D. Đường may định hình quá lớn

Câu 45: Dây viền tròn đôi, viền tròn chỉ có thể ứng dụng được cắt theo canh xéo 45° là do:

- A. Dễ cắt
- B. Dễ tộn với



- C. Dễ uốn theo chi tiết cần viền
- D. Dễ tộn thời gian ủi

Câu 46: Đường viền tròn bị sập mí do:

- A. Se dây viền không đều tay khi may lút khe
- B. Cột thành phẩm viền không đúng canh sợi
- C. Dây viền bị bai giãn sau khi ủi



- D. Bán thành phẩm dây viền sai thông số

Câu 47: Thành phẩm viền tròn không tròn đều là do:

- A. Thiết kế vòng cổ hoặc vòng nách quá cong
- B. Dây viền bị bai giãn sau khi ủi
- C. Đường may định hình > thành phẩm viền



- D. Se dây viền không đều tay khi may lút khe đường viền

Câu 48: Thành phẩm viền tròn không đều sau khi may là do:



- A. May định hình dây viền vào thân không đều
- B. Dây viền bị bai giãn
- C. Nẹp cột sai canh sợi
- D. Bán thành phẩm dây viền quá lớn.

Câu 49: Vòng cổ bị nhăn rút sau khi viền tròn là do:

- A. Kéo thân theo dây viền khi viền
- B. Vòng cổ thiết kế quá lớn so với dây viền



- C. Chạy may quá chậm

D. Không cắt dây viền theo chi tiết cấn viền

Câu 50: Trong quá trình may viền tròn, chỉnh chỉ không đúng, chỉ lủng hoặc chít là một trong những nguyên nhân gây ra sai hỏng

A. Đường viền tròn bị sập mí

B. Vòng cổ bai giãn



C. Đường viền bị nhăn vênh

D. Thành phẩm viền không tròn đều

Câu 51: Cắt dây viền không đúng canh xéo 45° sẽ gây ra sai hỏng

A. Thành phẩm viền không đều



B. Dây viền bị vênh

C. Chi tiết cấn viền bị bai giãn

D. Đường viền bị sập mí

Câu 52: Bán thành phẩm dây viền cắt quá lơn sẽ gây ra sai hỏng nào trong quá trình may viền tròn:

A. Đường viền bị bai giãn



B. Đường viền bị to lét

C. Đường viền bị sập mí

D. Đường viền bị nhăn, vênh

Câu 53: May cấn cấn ngoài của nẹp được thực hiện trên đường viền

A. Viền tròn đôi

B. Viền tròn chỉc

C. Viền dúp lút vào trong



D. Viền dúp lút ra ngoài

Câu 54: Khoảng cách giữa chỉ và vải không bằng nhau khi vút V sẽ gây ra sai hỏng:



A. Thân bị nhăn rút

B. Thân bị bai giãn

C. Lề mũi chỉ ra mặt phôi sản phẩm

D. Đường vút không dính vào thân

Câu 55: Vòng cổ may các đường xỏ trổ được chừa đường may:

A. Cắt sát mép vải, không chừa đường may



B. 0,5cm

C. 0,7cm

D. 1 cm

Câu 56: Bơm quá nhiều ở vòng cong nách hay vòng cong cổ khi may viền dúp lút ra ngoài sẽ gây ra sai hỏng

A. Thành phẩm viền không tròn đều

B. Thân bị le mí ra ngoài



C. Vòng nách hay vòng cổ trên thân bị bai giãn

D. Thân bẻ nhấn vụn

Câu 57: Bềm và mí nếp có tác dụng khi may các đường cạp không bầu:



A. Cạp êm, thân không nhấn

B. Cạp bai giãn dãn chui đều

C. Dãn vút nếp vào thân

D. Tất cả đều đúng

Câu 58: Không vuốt êm thân trước khi vút nếp vào thân sẽ gây ra sai hỏng:

A. Thân bẻ bai giãn

B. Nếp cạp không nằm êm trên thân



C. Thân bẻ nhấn vụn

D. Thành phom vụn không tròn đều trên thân.

Câu 59: Hình vẽ này mô tả vòng cạp được may theo đường



A. Vụn dẹt lút vào trong



B. Vụn dẹt lút ra ngoài

C. Vụn tròn đôi

D. Vụn tròn chỉc

Câu 60: Để các góc cạp êm phẳng, nếp nằm êm trên thân khi may các đường cạp không bầu (đường có góc) ta cần chú ý:

A. Cắt nếp khập vãi vòng cạp trên thân

B. Lấy dẫu đường thành phom và các điểm kẻ thuật trước khi may

C. May theo đúng đường lấy dẫu, góc trùng góc



D. Tất cả đều đúng

Câu 61: Hình vẽ trên mô tả thân trước áo được:



A. Xà không tr

- B. Xò mặt trái
- C. Xò 2 trái
- D. Vặn dóp lút ra ngoài

Câu 62: Bềc diều cnh níp không tr được thc hiên trên

- A. Bên níp khuy t đầu c đến cách chân tr 1 cm
- B. Bên níp nút t đầu c đến điểm x tr
- C. C 2 bên níp tr t đầu c đến chân tr



- D. C 2 bên níp tr t đầu c đến cách chân tr 1cm.

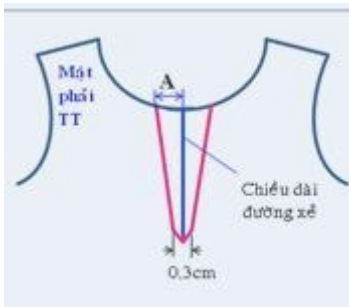
Câu 63: Đới vớ đing x không tr, công đo n x tr được thc hiên sau bcc công vcc:

- A. Xác đnh v trí x tr trên thân và trên níp



- B. Diu mí cnh níp
- C. May đnh hình đing x tr
- D. Tra c áo

Câu 64: Hình v trên mô t cách xác đnh v trí đing x không tr trên thân áo, A được tính theo công thc:



- A. $= \frac{1}{2}$ thành phm tr
- B. $= \frac{1}{2}$ thành phm tr + 2,5mm
- C. = thành phm tr
- D. = thành phm tr + 2,5 cm

Câu 65: Thành phm c không tr, 2 bên không đới xng là do:

- A. Xác đnh v trí tr trên thân sai
- B. Diu cnh níp không cách chân tr 1cm



- C. Tra c ngm không đầu mép vớ
- D. Tt c đầu đúng

Câu 66: Đ ngăn ng a góc không tr b nhn, nhú, ta ph:

- A. Bm qua góc 1 – 2 canh ch
- B. Bm cách góc 1 – 2 canh ch
- C. Bm cách góc 0 – 1 canh ch
- D. Ép keo chân tr trên mặt trái thân



Câu 67: Góc không tr b b góc là do:

- A. Không ép keo nẹp trờ
- B. Mí đường xỏ trờ không cách chân trờ 1cm
-  C. Bơm lỏ góc
- D. Tất cả đều đúng

Câu 68: Sắp xếp qui trình may đường xỏ không trờ

- A. Lỏ c và vỏt nẹp vào thân
- B. Xỏ trờ
- C. Xác định đường xỏ trờ trên thân và trên nẹp
- D. May định hình đường xỏ trờ
- E. Mí cổ áo
- F. Diều mí cõnh nẹp trờ
- G. Tra cỏ áo
- H. Cỏt nẹp trờ và ép keo

- A. ACGFHDEB
- B. HFDCABEG

-  C. CHDFBGEA
- D. FDEBACGH

Câu 69: Góc đường xỏ 1 trờ bẻ góc là do:

- A. Diều cõnh nẹp khuy tỏ đều cỏ đến cách chân trờ 1 cm
- B. Diều cõnh nẹp nút tỏ đều cỏ đến điểm xỏ trờ
-  C. Diều cõnh nẹp trờ cỏ 2 bên nẹp khuy và nẹp nút tỏ đều cỏ đến chân trờ
- D. Diều cõnh nẹp trờ cỏ 2 bên nẹp trờ tỏ đều cỏ đến cách chân trờ 1cm

Câu 70: Thân sau khi xỏ không trờ bị dỏ, dùn vỏi là do

- A. Bơm góc trờ chỏa tỏi góc
-  B. Nẹp cỏt không khỏp vỏi thân
- C. Xác định vỏ trí đường xỏ trờ trên thân và trên nẹp sai thông số
- D. Tất cả đều đúng

Câu 71: Mí cõnh nẹp mỏt trờ tỏ cỏ đến cách vỏ trí chân trờ:

- A. Sát chân trờ
- B. 0,5 cm
-  C. 1 cm
- D. Qua vỏ trí chân trờ 1cm

Câu 72: Góc chân đường xỏ không trờ không bị nhăn nhủ là do:

- A. Mí nẹp trờ trên mép vỏi dỏ và thân
-  B. Mí nẹp trờ cách chân trờ 1cm
- C. Bơm nhỏng chỏ cong gỏt
- D. Xác định góc chân trờ lỏn hỏn 0,3cm

Câu 73: Thành phỏm trờ là 3cm thì bẻ rỏng bán thành phỏm nẹp mỏt trờ bẻng:

-  A. 11,9 cm

- B. 8,2 cm
- C. 11,7cm
- D. 9cm

Câu 74: Bề rộng bán thành phom mặt bên nẹp 2 trổ là 8,2 cm vậy thành phom trổ bằng:

- A. 2cm
- B. 2,5cm
- ☒ C. 3 cm
- D. 3,5 cm

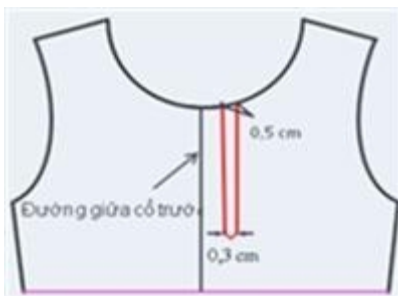
Câu 75: Bề rộng bán thành phom nẹp mặt trổ là 10,4 cm vậy thành phom nẹp mặt trổ bằng:

- A. 2 cm
- ☒ B. 2,5 cm
- C. 3 cm
- D. 3,5 cm

Câu 76: Công thức tính chiều dài nẹp các đường xò trổ bằng:

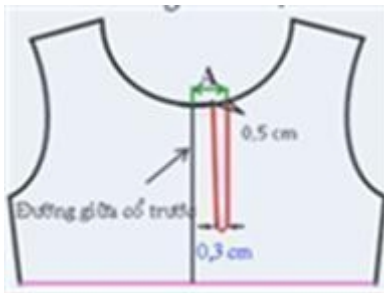
- A. $(\text{Thành phom trổ} \times 3) + 1,1 \text{ cm} + 2 \text{ cm}$ đường may.
- B. $\text{Thành phom trổ} \times 2 + 0,2 + 2 \text{ cm}$ đường may
- C. Chiều dài đường xò
- ☒ D. $\text{Chiều dài đường xò} + 3" 4 \text{ cm}$

Câu 77: Đây là hình xác định vị trí:



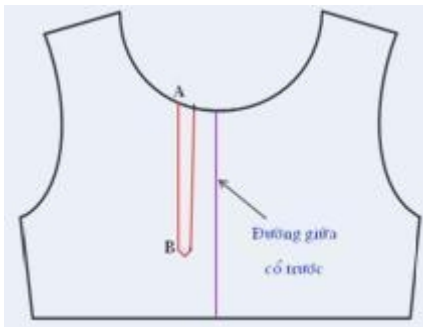
- A. Đường xò mặt trổ trên thân áo nam
- ☒ B. Đường xò mặt trổ trên thân áo nữ
- C. Đường xò hai trổ trên thân áo nam
- D. Đường xò 2 trổ trên thân áo nữ

Câu 78: Trong vị trí đường xò 1 trổ dành cho áo nữ, công thức của A là:



- A. $\frac{1}{2}$ thành phom tr
- B. $\frac{1}{2}$ thành phom tr + 2,5cm
- ☒ C. $\frac{1}{2}$ thành phom tr + 2,5mm
- D. $\frac{1}{2}$ thành phom tr - 2,5mm

Câu 79: Với đường x 1 tr dành cho áo nam, AB là:



- ☒ A. Cnh song song với đường giữa c trc và bng chiều dài đường x
- B. Cnh song song với đường giữa c trc và bng chiều dài đường x + 3 cm
- C. Cnh xéo so với đường giữa c trc và bng chiều dài đường x
- D. Cnh xéo so với đường giữa c trc và bng chiều dài đường x + 3 cm

Câu 80: Sau khi x tr và l n n p m t tr vào trong thân (đ i v i áo n), b c công vi c ti p theo là

- A. Diu mí cnh n p khuy
- ☒ B. Tra c
- C. Diu mí cnh n p khuy, may l t khe n p nút
- D. Diu thành phom tr và khóa chân tr

Câu 81: Diu cnh n p đ i v i đường x 1 tr đ c th c hi n nh sau:

- ☒ A. Diu cnh n p khuy t đ u c đ n cách chân tr 1cm
- B. Diu cnh n p nút t đ u c đ n cách chân tr 1cm
- C. Diu c n p khuy và n p nút t đ u c đ n chân tr
- D. Diu c n p khuy và n p nút t đ u c đ n cách chân tr 1cm

Câu 82: Khi chân đường x 1 tr đ c xác đ nh bng 0cm d gây ra sai h ng gì:

- A. Thành phom tr sai thông s
- B. Góc tr b nh

C. Góc trỏ bẻ nhứ



D. Góc trỏ bẻ bẻ

Câu 83: Điều gì lên cơ nếp khuy lớn nếp nút đối với đường xỏ mắt trỏ là nguyên nhân gây ra sai hỏng:



A. Chân trỏ bẻ nhứ

B. Chân trỏ không thông góc

C. Chân trỏ bẻ hỏ góc

D. Tất cả đều sai

Câu 84: Để ngăn ngừa sai hỏng đường xỏ mắt trỏ bẻ hỏ góc, ta sẽ:

A. Canh chân vút đều khi diều thành phỏm trỏ

B. Bỏm trỏ tởi góc



C. Xỏp nếp khuy che kín nếp nút trỏ c khi diều thành phỏm trỏ

D. Tất cả đều đúng

Câu 85: Đường diều và khóa chân trỏ cách nhau:

A. 0,1cm

B. 0.3cm



C. 0,5cm

D. 0,7cm

Câu 86: Bước tra cơ áo được thực hiện trước bước công việc nào trong qui trình may các đường xỏ 1 trỏ:

A. Diều thành phỏm và khóa chân trỏ

B. Xỏ trỏ

C. Diều cỏnh nếp khuy



D. Diều cỏnh nếp khuy và may lỏt khe nếp nút

Câu 87: Cơ áo không đối xứng sau khi hoàn tất đường xỏ 2 trỏ là do:



A. Tra cơ ngỏm không đều mép vỏi

B. Chọn lỏi gỏ không xỏp cho 2 trỏ che kín nhau

C. Hai đường đờnh hình song song nhỏng không bẻng thành phỏm trỏ

D. Tất cả đều đúng.

Câu 88: Xác đờnh đường xỏ hai trỏ cho áo nam hay áo nữ được thực hiện tởi bước công việc:

A. Ép keo nếp trỏ và lỏy dỏu nếp trỏ trên thân, trên nếp

B. ỏi đờnh hình trỏ

C. May đờnh hình trỏ



D. Bỏm mỏ và chọn lỏi gỏ

Câu 89: Xác đờnh cho áo nam hay áo nữ cho đường xỏ mắt trỏ được thực hiện tởi bước công việc:

A. Ép keo nếp trỏ



B. Lỏy dỏu nếp trỏ trên thân, trên nếp

- C. Ỗi đỉnh hình tr
- D. May đỉnh hình tr

Câu 90: May hai đường đỉnh hình l n h n thành ph m đường x 2 tr trên n p là nguyên nhân gây ra sai h ng:

- A. Vòng c tra không êm
-  B. Tr h không che kín thân
- C. Tr b nh n góc
- D. Góc tr không vuông

Câu 91: Xác định thành ph m tr trên n p l n h n thành ph m tr trên thân s gây ra sai h ng:

- A. Tr không vuông góc
- B. Tr b s p mí
- C. Tr b sai thông s
-  D. Góc tr b nh n

Câu 92: Đ xác định đường x tr dành cho áo nam ta đ tr n m bên..... ng i m c lên trên:

-  A. Trái
- B. Ph i
- C. Tùy ý
- D. Ph thu c vào ý thích c a ng i may

Câu 93: Đường x 2 tr b xéo góc là do:

- A. Hai đường may đỉnh hình l n h n thành ph m tr trên n p
- B. Hai đường may đỉnh hình tr nh h n thành ph m tr trên n p
-  C. Hai đường may đỉnh hình song song nh ng không b ng nhau
- D. May hai đường đỉnh hình tr vào thân không cách chân tr 1cm.

Câu 94: L i gà c a đường x 2 tr cách chân tr:

- A. 0,5 - 1 cm
-  B. 1 - 1,5 cm
- C. 1,5 - 2 cm
- D. 2 - 2,5 cm

Câu 95: Sau khi tra c, b c công vi c tiếp theo c a đường x 2 tr là:

- A. Ch n l i gà
- B. May l t khe n p khuy và n p nút
- C. May mí 1mm n p khuy, may l t khe n p nút
-  D. Di u thành ph m tr và khóa chân tr

Câu 96: May 2 đường đỉnh hình đường x 2 tr t vòng c đ n h t chi u dài n p s gây ra sai h ng:

- A. Vòng c không êm
- B. Không xác định đường áo nam, áo n
- C. Không ch n l i gà đ c



D. Thông số thành phẩm trở lại sai

Câu 97: Đòng chôn lồi gà cưa đòng x hai tr đợc thực hiên trên:

A. Trên thân và mép vôi d cưa n p tr



B. Trên lồi gà cưa thân và mép vôi d cưa n p tr

C. Trên thân và lồi gà cưa thân

D. Trên mép vôi d cưa n p tr

Câu 98: Đòng diu chân đòng x 2 tr cách đòng chôn lồi gà:



A. 0,5cm v phía c áo

B. 0,5cm v phía lai áo

C. 1cm v phía c áo

D. 1cm v phía lai áo.

Câu 99: Lót túi trợc cưa túi đợc ki u m t đợc c t:

A. Bng vôi lót túi sau



B. Ln h n lót túi sau 1cm

C. Nh h n lót túi sau 1cm

D. Cao h n lót túi sau 1cm

Câu 100: Khi may đáp túi trợc vào lót túi trợc đ i v i túi đợc ki u 1 ta đ t:



A. Cnh lng và cnh s n cưa lót và đáp trùng nhau

B. Đ t s n trùng, lng cưa đáp h t h n so v i lót 1cm

C. Đ t lng trùng, s n đáp d ra so v i s n lót 1cm

D. Đ t lng trùng, s n lót d ra so v i s n đáp 1cm

Câu 101: Đ thiết k đáp túi đợc ki u 1 ta đ a vào:

A. Đòng lng, đòng s n cưa thân trợc qu n



B. Đòng lng, đòng s n và v trí mi ng túi cưa thân trợc qu n

C. Đòng lng, đòng s n cưa lót túi

D. Đòng lng, đòng s n và đòng chính trung cưa lót túi

Câu 102: Lót túi và đáp túi đợc ki u 1 kh p nhau t i các đòng:



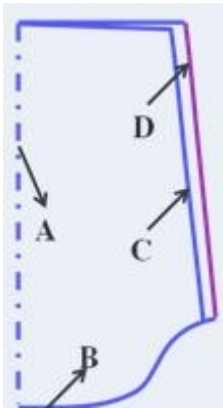
A. Đòng lng và đòng s n cưa đáp và lót trợc kh p v i nhau

B. Đòng lng và đòng s n cưa đáp và lót sau kh p v i nhau

C. Đòng gáy túi, đòng đáy túi trùng v i đòng g i a lót túi

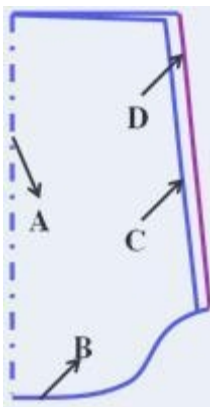
D. Đòng mi ng túi, đòng s n và gáy túi

Câu 103: Đòng đáy túi đợc ki u 1 là:



- A. A
- B. B
- C. C
- D. D

Câu 104: Trong lót túi đực:



- A. C là đường sườn lót túi trước, D là đường sườn lót túi sau, C cách D bằng thành phần sườn
- B. C là đường sườn lót túi sau, D là đường sườn lót túi trước, C cách D bằng thành phần sườn
- C. C là đường sườn lót túi trước, D là đường sườn lót túi sau, C cách D 1cm
- D. C là đường sườn lót túi sau, D là đường sườn lót túi trước, C cách D 1cm

Câu 105: Khi gấp đôi lót túi đực kiểu 1 theo chiều dọc với, ta sẽ thấy:

- A. Đáy túi trùng nhau, sườn lót sau dẹt ra so với sườn lót trước 1cm
- B. Đáy túi trùng nhau, sườn lót trước dẹt ra so với sườn lót sau 1cm
- C. Gáy túi trùng nhau, sườn lót sau dẹt ra so với sườn lót trước 1cm
- D. Gáy túi trùng nhau, sườn lót trước dẹt ra so với sườn lót sau 1cm

Câu 106: Đường may đắp trước vào lót trước túi đực kiểu một đường may:

- A. Trên đường lạng
- B. Trên đường sườn sườn
- C. Trên hột còng cong cựa đắp
- D. Trên còng cong cựa đắp nhưng cách sườn đắp = thành phần sườn

Câu 107: Túi dúc kiểu 1 không cuộn gáy túi dúc là do:

- A. Đường may đáp sau vào lót túi không cách sên đáp 3cm
- B. Sên lót sau trùng với sên đáp sau
- C. Ráp sên dính lót túi sau
-  D. Tất cả đều đúng

Câu 108: Khi may đáp trước vào lót túi sau, đáp sau vào lót túi trước, đối với túi dúc kiểu 1 sẽ gây ra sai hỏng:

- A. Hai túi không đối xứng
- B. Không cuộn gáy túi dúc



- C. Lót túi thiêu thông s
- D. Đáp không che kín dúc lót túi

Câu 109: Khi may lộn lót túi dúc kiểu mặt, ta may:

- A. May theo đường đáy túi t giữa đáy túi đến sát sên lót trước
- B. May theo đường đáy túi t giữa đáy túi đến cách sên lót trước 1cm
-  C. May theo đường đáy túi t giữa đáy túi đến cách sên lót trước 2 lùn thành phẩm s
- D. May theo đường đáy túi t giữa đáy túi đến cách sên lót sau 2 lùn thành phẩm s

Câu 110: Sau khi may túi dúc kiểu mặt ta thấy đáp không che dúc lót là do:

- A. May lộn đáy túi d a 2 mặt có đáp quay ra ngoài
-  B. May lộn đáy túi d a 2 mặt có đáp úp vào trong
- C. May diều đáy túi d a 2 mặt có đáp quay ra ngoài
- D. May diều đáy túi d a 2 mặt có đáp úp vào trong

Câu 111: Đường diều đáy túi c a túi dúc kiểu 1 cách sên lót sau bằng:

- A. 1cm
- B. 1 lùn thành phẩm s
- C. 2 lùn thành phẩm s
-  D. 2 lùn thành phẩm s + 1cm.

Câu 112: Miếng túi dúc kiểu 1 bị h là do:

- A. Đường ráp sên lùn hùn thành phẩm s
-  B. Đường ráp sên nh hùn thành phẩm s
- C. Đường ráp sên bằng thành phẩm s
- D. Tất cả đều sai

Câu 113: Khi may định hình miếng túi dúc kiểu mặt, ta đt:

- A. Hai mặt phải c a thân trước và lót trước úp vào nhau
-  B. Hai mặt phải c a thân trước và đáp trước úp vào nhau
- C. Mặt phải c a thân trước úp với mặt trái c a lót trước
- D. Mặt trái c a thân trước úp với mặt phải c a đáp trước.

Câu 114: Đường may định hình miệng túi dọc:



- A. Trùng với đường ráp sườn
- B. Cách đường ráp sườn 1mm về phía thân trước
- C. Cách đường ráp sườn 1mm về phía thân sau
- D. Cách đường ráp sườn 1mm về phía mép với đường thân trước

Câu 115: Bóc công việc sau khi may định hình miệng túi dọc kiểu 1:

- A. Lộn và mí đắp túi trước
- B. Lộn và mí đắp túi sau
- C. Diều miệng túi



- D. Bơm miệng túi

Câu 116: Vị trí miệng túi trên cửa túi dọc kiểu 1 cách đường thành phẩm là:

- A. 2 cm
- B. 3 cm
- C. 4 cm
- D. 5 cm



Câu 117: Thành phẩm miệng túi dọc kiểu 1 bằng:

- A. 13 – 14 cm
- B. 15 – 17 cm
- C. 18 – 20 cm
- D. 21 – 22 cm



Câu 118: Khi ráp sườn quần may dính cổ lót túi sau là nguyên nhân gây ra sai hỏng:

- A. Miệng túi hở
- B. Không cuộn gáy túi được
- C. Miệng túi không kín
- D. Miệng túi bị bai giãn



Câu 119: Đường ráp sườn lộn hơn thành phẩm sườn sẽ gây ra sai hỏng:

- A. Miệng túi bị bai giãn
- B. Miệng túi bị hở
- C. Miệng túi bị bít kín
- D. Đường sườn không êm, không cuộn gáy túi được



Câu 120: Thành phẩm đường diều miệng túi dọc kiểu 1:

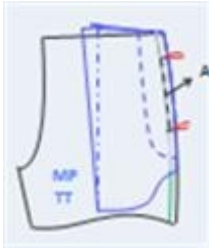
- A. 1mm
- B. 3mm
- C. 5mm
- D. 7mm



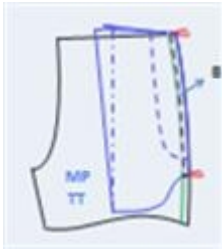
Câu 121: Đường may định hình miệng túi dọc kiểu 1, là đường:



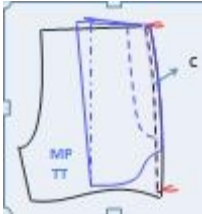
A.



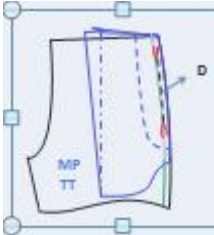
B.



C.



D.



Câu 122: Bước ráp sườn quần trong qui trình may túi dọc kiểu 1 được thực hiện sau bước công việc:

A. Ráp sườn quần



B. May lộc đấp sau vào thân trước

C. Lộn và điều miệng túi

D. Mí đấp trước

Câu 123: 1. Khi cuộn gáy túi dọc kiểu 1, mép vải của lót túi sau được gấp vào bên trong và đút bằng vải:

A. Sườn đấp túi trước

B. Sườn đấp túi sau

C. Sườn thân trước



D. Sườn thân sau.

Câu 124: Khi may các đường cạp không bâu, vai con cạp nẹp và cạp thân được may sau khi:

A. May hoàn thành nẹp thân trước vào thân trước, nẹp thân sau vào thân sau



- B. Kiểm tra đồ khớp của nẹp và thân
C. Ép keo nẹp
D. Lắp c và vít nẹp vào thân

Câu 125: Các dụng cụ khâu nẹp, nếu cầm sai cách quá nhiều sau khi may định hình nẹp vào thân sẽ gây ra sai hỏng



- A. Dụng cụ khâu không ôm sát vào thân
B. Dụng cụ khâu bị nhẵn vụn
C. Thân bị dẹt
D. Thân bị đứt vụn

Câu 126: Để ngăn ngừa áo cổ V bị nhú góc, ta phải:

- A. May định hình nẹp vào thân đúng đường thành phom
B. Lấy dùi đường thành phom và các góc trên nẹp và thân trước khi may
C. Cắt nẹp khớp với thân
D. Tất cả đều đúng.



Câu 127: Lấy dùi sai vị trí miêng túi sẽ dẫn đến sai hỏng gì đối với túi dúc kiểu 1:

- A. Miêng túi bị bai giãn
B. Miêng túi bị hỏng



- C. 2 túi không đối xứng
D. Tất cả đều đúng

Câu 128: Các dụng cụ không bấu, bẻ c rách vai con đường thọc hiên trước khi:

- A. Ỉi nẹp và vẽ đường thành phom c



- B. May định hình nẹp vào thân
C. Lắp c và vít nẹp
D. Bơm và mí nẹp c

Câu 129: Dùng hời để ỉi keo bâu lá sen sẽ dẫn đến sai hỏng:

- A. Lá bâu bị bai giãn
B. Lá bâu bị co rút



- C. Keo bị bong rộp
D. Keo bị ỉ vàng

Câu 130: Ỉi keo lá bâu lá sen quá nhiều sẽ làm cho lá bâu bị:

- A. Bong rộp
B. Nhăn, nhú



- C. ỉ vàng
D. Co, giãn

Câu 131: C trái tim bị bẻ góc là do:

- A. Nẹp cắt không khớp với thân

B. Đếm góc trên thân và trên nắp không khớp với nhau



C. Bím góc bít đứt chỉ

D. May định hình nắp vào thân không đúng góc và đường thành phẩm.

Câu 132: Thành phẩm dây viền bầu lá sen thông bằng:

A. 0,1 cm

B. 0,3 cm



C. 0,5 cm

D. 0,7 cm

Câu 133: Công thức tính chiều rộng bán thành phẩm dây viền bầu lá sen bằng:

A. 2 lần thành phẩm viền x 2mm + 2



B. (Thành phẩm viền + 2mm) x 2

C. (Thành phẩm viền x 2) + 2mm

D. 2 lần thành phẩm viền + (2 x 2mm)

Câu 134: Bán thành phẩm dây viền bầu lá sen bằng 12mm, vậy thành phẩm dây viền bằng:

A. 0,3cm



B. 0,5cm

C. 0,6cm

D. 0,7cm

Câu 135: Thành phẩm viền bầu lá sen bằng 0,6cm nhưng bím rộng bán thành phẩm dây viền được cắt bằng 2cm sẽ gây ra sai hỏng:

A. Dây viền bị dẹt chiều dài



B. Mí chân cò bị to lót

C. Mí chân cò bị sập mí

D. Thân bị nhăn vênh

Câu 136: Để đều bầu lá sen được tròn và đều xứng, khi may lên lá bầu ta phải:



A. May chỉ nhíp 2 đầu lá bầu và may đúng đường thành phẩm

B. Hời kéo lóp lá bầu trong khi may lên

C. Cắt lá bầu bằng cạnh xéo 45°

D. May bằng chỉ nhíp toàn bộ lá bầu

Câu 137: Lóp trong của bầu lá sen bị dẹt sau khi may định hình là do:

A. Cắt lóp trong lá bầu sai cạnh sập



B. Không vuốt nhíp lá bầu trong khi may lên

C. Không kéo nhíp lá bầu ngoài khi may lên

D. Không ép keo cò 2 lóp lá bầu

Câu 138: Bầu lá sen, không kéo thân và bầu sang hai bên trước khi mí cò sẽ gây ra sai hỏng:



A. Đùn mép vênh trên thân

- B. Sụp mí c
- C. Đụng mí bị to lốt
- D. Thân bị nhăn v

Câu 139: Tra bầu vào thân không đúng theo đâu k thuật đã lỵ s gây ra sai hng:

- A. 2 đầ lá bầu không bng nhau
-  B. Hai hng c thân trc không đđi xng
- C. Thân bị nhăn, rút
- D. C tra không êm

Câu 140: Th t đđt các chi tiết (t đđi lên trên) khi may bầu lá sen vào thân :

-  A. Thân → lá bầu → đính áo → dây v
- B. Lá bầu → thân → dây v → đính áo
- C. Thân → lá bầu → dây v → đính áo
- D. Đính áo → dây v → lá bầu → bầu áo

Câu 141: Khi tra bầu lá sen vào thân, 2 đầ lá bầu đđc đđt trùng vđi:

- A. Đđng đính áo
-  B. Đđng gài nút
- C. Đđng giã c trc
- D. Đđng b g p đính áo

Câu 142: Thành phm đđng tra và mí chân bầu lá sen l n h n 0,7cm s gây ra sai hng:

-  A. Vòng c không êm, đùn mép vđi trên thân
- B. C bị sai thông s
- C. Mép vđi đđng tra c bị le ra
- D. Dây v v

Câu 143: Bán thành phm dây v c bầu lá sen quá nh s gây ra sai hng:

- A. Dây v bị v
- B. Đđng v n s p mí
-  C. Ló mép vđi đđng tra c
- D. Vòng c không êm, thân bị d, đùn mép vđi

Câu 144: Bầu Đanton ép keo các chi tiết

- A. Thân trc, n p ve
- B. Lá bầu trong, n p ve
- C. N p ve, lá c
-  D. Lá bầu ngoài, n p ve

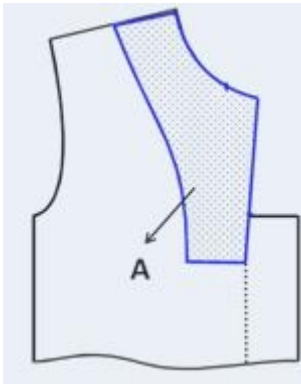
Câu 145: Đđng thành phm tra bầu lá sen vào thân bng:

- A. 0,3 cm
- B. 0,4cm

☒ C. 0,5cm

D. 0,6cm

Câu 146: Chi tiết A trong bầu Đanton có tên gọi là:



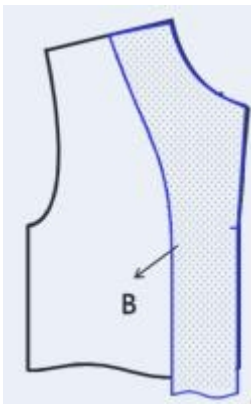
☒ A. Nẹp ve rùi

B. Nẹp ve liề n

C. Keo ép thân

D. Tất cả đều sai

Câu 147: Chi tiết B trong bầu Đan ton có tên gọi là:



A. Nẹp ve rùi

☒ B. Nẹp ve liề n

C. Keo ép thân trắ c

D. Tất cả đều sai

Câu 148: Keo lá bầu Đanton đắ c ép keo:

A. Lá trong ép keo vắ i, lá ngoài ép keo giắ y

B. Lá trong ép keo giắ y, lá ngoài không ép keo

C. Lá trong ép keo vắ i, lá ngoài không ép keo

☒ D. Lá trong không ép keo, lá ngoài ép keo giắ y

Câu 149: Lá bầu Đanton trong bắ le mí là do:

- A. Khi may lộn lá bầu không kéo nhíp dẹt
- B. Khi may lộn lá bầu kéo nhíp dẹt quá nhiều
- C. Khi may lộn lá bầu không kéo nhíp lá bầu ngoài
-  D. Không mí lá bầu trong sau khi may lộn

Câu 150: Kéo đũa lá bầu Đanton quá nhiều sẽ gây ra sai hỏng:

-  A. Đũa lá bầu bị tù góc
- B. Đũa lá bầu bị bẹt góc
- C. Đũa lá bầu bị nhăn góc
- D. 2 đũa bầu không nhún, không dẹt xẹp.

Câu 151: Đốt chỉ 2 đũa lá bầu Đanton có tác dụng:

- A. Diều thành phẩm lá bầu sẽ đẹp hơn
-  B. Làm 2 đũa lá bầu nhún góc
- C. Kéo chỉ khi dẹt sẽ làm cho 2 đũa bầu Đanton nhún góc hơn.
- D. Lá bầu trong không bị le mí ra mặt phải sẽ phẳng

Câu 152: Đường diều thành phẩm lá bầu sẽ mi bẹt:

- A. 0,1 cm
- B. 0,3cm
-  C. 0,5cm
- D. 0,7cm

Câu 153: Tác dụng chính của việc mí nhíp lá bầu Đanton trong:

- A. Diều thành phẩm lá bầu sẽ đẹp hơn
-  B. Làm lá bầu trong không bị le mí
- C. Dẹp mí vùi
- D. Làm cho 2 nhíp lá bầu dẹt êm

Câu 154: Sau khi may lộn lá bầu Đanton, ngoài đũa bầu gọt còn 0,3cm, các đường còn lại ta gọt còn:

- A. 0,3cm
- B. 0,5cm
- C. 0,6cm
-  D. 0,7cm

Câu 155: Sau khi gọt lộn lá bầu Đanton, bước công việc tiếp theo sẽ là:

- A. Ráp ve vào thân áo
-  B. Mí lá bầu trong
- C. Dẹt lá bầu
- D. Lột đũa thành phẩm lá bầu

Câu 156: Sau khi gọt lộn lá bầu, 2 đũa bầu bị tù góc là do:

- A. Không đặt chỉ khi may lớn
- B. Không gút góc còn 0,3cm
- C. Kéo đều lá bầu quá nhiều lớn



D. Tất cả đều đúng

Câu 157: Để ngăn ngừa 2 đều lá bầu Đanton không đi xúng, sau khi gút lớn và đi thành phom lá bầu ta phải:

- A. Mí 1mm vào lóp lá bầu trong
- B. Đi cho đúng may lớn le mí vào lóp trong 1mm



C. Láy đều đúng thành phom chân lá bầu

D. Láy đều 3 điểm không thuét trên lá bầu

Câu 158: Lá bầu Đanton trong bít độ sau khi may lớn là do:

A. Lá bầu trong cút canh ngang



B. Khi may không vượt nhíp lóp lá bầu trong

C. Không đặt chỉ 2 đều lá bầu

D. Tất cả đều sai

Câu 159: Thứ tự đặt các chỉ tiết (tổ dũi lên trên) khi ráp ve áo bầu Đanton vào thân

- A. Thân nằm trên, ve nằm dưới, mặt trái ve úp vào mặt phải thân
- B. Thân nằm trên, ve nằm dưới, mặt phải ve úp vào mặt trái thân



C. Thân nằm dưới, ve nằm trên, 2 mặt phải úp vào nhau

D. Thân nằm dưới, ve nằm trên, 2 mặt trái úp vào nhau

Câu 160: Nẹp ve không khớp với thân áo, sẽ làm cho áo may bầu Đanton bị:

- A. Thân nhăn, vênh
- B. Các điểm không thuét không trùng nhau
- C. Các vị trí đi xúng không bằng nhau



D. Tất cả đều đúng

Câu 161: 2 đều ve bầu Đanton không nhún góc là do:

- A. Khi may lớn ve vào thân không may đúng đúng thành phom
- B. Nẹp không khớp với thân



C. Không đặt chỉ 2 đều ve

D. Tất cả đều đúng

Câu 162: Khi tra bầu Đanton vào thân, đều lá bầu được đặt trùng với:

A. Điểm bít ve



B. Điểm mạt ve

C. Điểm đều ve

D. Điểm góc cút

Câu 163: Để khoảng cách 2 đều ve, 2 đều bầu Đanton đi xúng, khi tra bầu vào thân ta phải lưu ý

A. Tra bầu theo đúng đúng thành phom

- B. Các điểm lấy dấu trên bâu, trên thân và trên nẹp phải trùng nhau
- C. Thời kỳ các chi tiết phải chính xác, khớp với nhau
-  D. Tất cả đều đúng

Câu 164: Khi tra bâu Đanton vào thân, ta đặt các chi tiết:

- A. Ve nẹp dẹt --> thân --> lá bâu nẹp trên cùng, mặt phải ngửa lên
-  B. Thân nẹp dẹt --> lá bâu nẹp gập, mặt keo ngửa lên --> ve áo nẹp trên cùng
- C. Thân nẹp dẹt --> ve nẹp gập, mặt keo ngửa lên --> bâu áo nẹp trên, mặt keo nẹp trên
- D. Ve nẹp dẹt, mặt keo ngửa lên --> bâu nẹp trên, mặt keo úp xuống --> thân nẹp dẹt cùng.

Câu 165: Khi tra bâu Đanton vào thân, ta may từ đầu ve trái đến thì dùng mũi bím 4 lớp với:

- A. Vai con
-  B. Điểm cách vai con thân trước 0,5cm
- C. Điểm cách vai con thân sau 0,5 cm
- D. Tất cả đều sai

Câu 166: Hạng công thân sau bâu Đanton được may với:

- A. Lá bâu ngoài
-  B. Lá bâu trong
- C. Nẹp ve
- D. Nẹp ve và lá bâu

Câu 167: Đường mí chân công bâu Đanton được thực hiện:

- A. Từ đỉnh áo trái sang đỉnh áo phải
- B. Hạng công sau
-  C. Từ điểm trước vai con thân trước 0,5cm đến điểm trước vai con thân phải 0,5cm
- D. Từ điểm sau vai con thân trước 0,5cm đến điểm sau vai con thân phải 0,5cm.

Câu 168: Đường mí chân công bâu Đanton bề rộng mí là do:

-  A. Chân bâu ngoài che phủ qua đường tra công
- B. Chân bâu ngoài chừa che phủ tới đường tra công
- C. Chân bâu ngoài vừa chừa đến đường tra công
- D. Tất cả đều sai

Câu 169: Đường mí chân công bâu Đanton bề nhún nhủ tới mức trong hai điểm bím là do:

- A. Lá bâu thời kỳ không khớp với chiều dài hạng công sau
- B. Sai qui cách làm lá bâu bề bai giãn
- C. Mí sai thao tác --> chân vót làm bai giãn chân công
-  D. Tất cả đều đúng

Câu 170: Để cho nẹp và thân không bị lệch mí, sau khi may nẹp vào thân, ta mí:

- A. Từ lại đến điểm bề ve mí trên thân, từ điểm bề ve đến đầu ve mí trên nẹp



- B. Tõ lai đõn đĩm bõ ve mí trên nõp, tõ đĩm bõ ve đõn đõu ve mí trên thân
- C. Tõ lai đõn đõu ve mí trên nõp
- D. Tõ lai đõn đõu ve mí trên cõ nõp và thân

Câu 171: Đõng õi chân bõu ngoài che phõ chõa tõi đõng tra cõ sõ gây ra sai hõng:



- A. Mí chân cõ bõ sõp mí
- B. Đõng mí chân cõ bõ to lỏt
- C. Lá bõu trong bõ võn
- D. Nhõn nhũ hai đĩm cách vai con trõ c 0,5cm

Câu 172: Đõng ngõa lá bõu trong bõ võn sau khi mí cõ, ta phõi:



- A. Tra cõ xong hõt mõi bõm 4 lõp ve, thân và bõu tõi 2 đĩm vai con
- B. Vuõt êm thân khi tra cõ
- C. Tay vuõng gỏc, vuõt êm thân khi mí cõ
- D. Giõ chõt 2 lõp lá bõu theo tõng đõn nhõ khi mí cõ

Câu 173: Đõi või bõu Sõmi, không võt gỏc keo đõu lá bõu và chân bõu sõ gây ra sai hõng:



- A. Hai đõu chân bõu, lá bõu không bõng nhau
- B. Đõu lá bõu, chân bõu bõ tù gỏc
- C. Đõu lá bõu, chân bõu không nhõn gỏc
- D. 2 đõu lá bõu bõ cong

Câu 174: Hai hõng cõ trõ c bõu áo sõmi không bõng nhau là do:



- A. Thiõt kõ 2 thân trõ c không đõi xõng
- B. õi nõp không đõng theo đõng thành phõm đĩnh áo
- C. Tra cõ vào thân không đõng theo các đĩm kõ thuõt
- D. Tõt cõ đõu đõng

Câu 175: Chân bõu, lá bõu sõmi đõ c cõt canh sõi:



- A. Lõp ngoài canh ngang, lõp trong canh dõc
- B. Lõp ngoài canh xỏo, lõp trong canh ngang
- C. Lõp ngoài canh dõc, lõp trong canh dõc
- D. Lõp ngoài canh dõc, lõp trong canh ngang

Câu 176: Keo chân bõu, lá bõu sõmi đõ c cõt theo canh sõi:



- A. Canh ngang
- B. Canh dõc
- C. Canh xỏo
- D. Või dày canh dõc, või mõng canh xỏo

Câu 177: Chân bõu, lá bõu ngoài cõa bõu sõmi bõ rõp keo, bong keo là do:

- A. Ép keo või nhiõt đõ quá nõng

- B. Khi bị không dùng một miếng vải phết lên bề mặt sản phẩm
-  C. Bề mặt chân bầu, lá bầu nhiều lần trong quá trình may
- D. Dùng bàn ủi khi ép keo.

Câu 178: Để 2 đầu lá bầu sù mi nhón góc, ta phải:

- A. Vặt góc keo 2 đầu lá bầu trước khi ép
- B. Vặt góc bầu còn 0,3cm sau khi may lên
- C. Đốt chỉ đúng vị trí đầu bầu khi may lên 2 lớp lá bầu
-  D. Tất cả đều đúng

Câu 179: Lá bầu trong bầu sù mi bị dẹt, đùn vãi là do:

- A. Khi may lên 2 lớp lá bầu, đốt êm 2 lớp vải
-  B. Không bẻ lớp dẹt khi may lên
- C. Vuốt mạnh lớp dẹt khi may lên
- D. Tất cả đều sai

Câu 180: Chỉ đốt vào 2 đầu lá bầu, chân bầu sù mi khi may lên thông là chỉ:

- A. Chỉ đơn
-  B. Chỉ đôi
- C. Chỉ ba
- D. Chỉ t

Câu 181: Hai đầu lá bầu sù mi bị cong vênh là do:

-  A. Kéo lớp lá bầu dẹt quá nhiều khi may lên
- B. Kéo chỉ đốt 2 đầu lá bầu quá nhiều sau khi gặt lên
- C. Bề mặt nhiều làm lá bầu bị co rút
- D. Tất cả đều đúng

Câu 182: Khi gặt lên lá bầu sù mi, 2 đầu bầu được gặt còn, các cạnh còn lại gặt còn

- A. 0,1 cm; 0, 3cm
- B. 0,3 cm; 0,5 cm
-  C. 0,3cm; 0,7 cm
- D. 0,5 cm; 0,5cm

Câu 183: Để ống bề mặt chân bầu không đúng theo đúng thành phẩm có thể gây ra sai hỏng:

-  A. Hai đầu chân bầu không dẹt x
- B. Ống mí chân có bề mặt to lút
- C. Ống mí chân có bề mặt s
- D. Chân bầu trong bị sai thông số

Câu 184: Thời gian đốt các chỉ đốt bầu sù mi khi may cặp lá ba:

-  A. Chân bầu trong --> lá bầu --> chân bầu ngoài

- B. Chân bầu ngoài --> lá bầu --> chân bầu trong
- C. Lá bầu --> chân bầu trong --> chân bầu ngoài
- D. Lá bầu --> chân bầu ngoài --> chân bầu trong

Câu 185: Thứ tự đặt các chi tiết bầu sômi (tổ dùi lên trên) khi may cốp lá ba:

- A. Chân bầu ngoài (mặt keo ngửa lên) → lá bầu (mặt keo ngửa lên) → chân bầu trong (không keo)
- B. Lá bầu (mặt keo ngửa lên) → chân bầu trong (không keo) → chân bầu ngoài (mặt keo ngửa lên)
-  C. Chân bầu trong (không keo) → lá bầu (mặt keo ngửa lên) → chân bầu ngoài (mặt keo ngửa lên)
- D. Lá bầu (mặt keo ngửa lên) → chân bầu ngoài (mặt keo ngửa lên) → chân bầu trong (không keo)

Câu 186: Khoảng cách từ đầu lá bầu đến đầu chân bầu sômi không bằng nhau là do:

- A. Khoảng cách 2 đầu lá bầu và 2 đầu chân bầu cũng không bằng nhau
- B. Vị trí chân bầu không đúng theo đường thành phôi
- C. May cốp lá ba không đều mép vôi
-  D. Không lấy đầu 3 điểm kỹ thuật và may không đúng đầu khi cốp lá ba

Câu 187: Đường định áo và chân bầu không thẳng hàng là do:

- A. Vòng cổ trên thân và trên bầu không khít nhau
- B. Đầu cốp lá ba đến đường vị trí chân bầu
- C. Chân bầu đặt bằng hoặc dẹt ra so với định áo
-  D. Tất cả đều đúng

Câu 188: Bước công việc sau khi gọt lọn và dùi xung quanh lá ba là:

- A. Tra bầu vào thân
- B. Mí chân cổ
-  C. Sang đầu 3 điểm kỹ thuật trên bầu và trên thân
- D. Vị thành phôi chân và lá bầu

Câu 189: Một trong những nguyên nhân gây ra sai hỏng không thể tra bầu sômi vào thân, đó là:

- A. Đường vị trí chân bầu không đúng theo đường thành phôi
-  B. Chừa mép vôi chân bầu trong quá nhỏ
- C. Đầu lá bầu, chân bầu và khoảng cách từ lá bầu đến chân bầu không đều xứng
- D. Đường dùi lá ba vượt qua đường may vị trí chân bầu

Câu 190: Khi tra bầu sômi vào thân, ta đặt:

- A. Định áo và chân bầu thẳng hàng
-  B. Định áo dẹt ra so với chân bầu 1mm
- C. Chân bầu bằng hoặc dẹt ra so với định áo 1mm
- D. Định áo bằng hoặc dẹt ra so với chân bầu 1mm

Câu 191: Đường định áo dẹt ra so với chân bầu sômi hơn 1mm sẽ gây ra sai hỏng:

- A. Thân bị xẹp lỵ, nhũ đầu cổ
- B. Thân bị nhăn vụn

-  C. Đính áo và chân bầu không thẳng hàng
- D. Hai đầu chân cò nhẵn nhịu

Câu 192: Đong may béc chân bầu sòmi che ph nhiều qua đong tra cò là nguyên nhân gây ra sai hỏng:

- A. Mí cò b to lót
-  B. Sòp mí cò
- C. Chân bầu trong b v
- D. Tít cò đầu sai

Câu 193: Mí chân bầu sòmi b to lót là do:

- A. Thành phm chân bầu trong nh hơn chân bầu ngoài
-  B. Thành phm chân bầu ngoài nh hơn chân bầu trong
- C. i thành phm chân bầu sai thông số
- D. Đong may béc chân bầu quá l

Câu 194: Tra bầu sòmi vào thân không đúng theo các điểm kĩ thuật s gây ra sai hỏng:

-  A. Hai hỏng cò thân tróc không bng nhau
- B. Đính áo và chân bầu so le
- C. Nhẵn nhịu hai đầu chân bầu
- D. L đong may tra cò

Câu 195: L đong may tra cò sau khi tra bầu Somi vào thân đng nghĩa v sai hỏng

- A. Mí cò b sòp mí
-  B. Mí cò b to lót
- C. Chân bầu trong b v
- D. Đầu chân bầu không thẳng hàng v i đính áo

Câu 196: Đong may béc chân bầu và đong mí cò bầu sòmi cách nhau:

- A. 0,3cm
- B. 0,4cm
- C. 0,5cm
-  D. 0,6cm

Câu 197: Chân bầu, lá bầu ngoài c a bầu sòmi đ c ép keo:

- A. Keo giy bán thành phm
-  B. Keo v i bán thành phm
- C. Keo giy thành phm
- D. V i mng keo v i bán thành phm, v i d y keo giy thành phm.

Câu 198: Tra tay tróc r i m i ráp s n tay s n thân là phng pháp:

- A. Tra tay đo n
-  B. Tra tay tròn

- C. Tra tay phồng
- D. Tra tay thông

Câu 199: Đố chênh lệch giữa vòng nách trên tay và trên thân khi tra tay đo là:

- A. Tay nhỏ hơn thân 1 – 1,5 cm
-  B. Tay lớn hơn thân 1 – 1,5cm
- C. Tay lớn hơn thân 1,5 – 2cm
- D. Tay nhỏ hơn thân 1,5 – 2 cm

Câu 200: Phương pháp tra tay đo thông được áp dụng trên:

- A. Áo nỉ
- B. Áo kiểu nỉ
- C. Áo jacket nỉ
-  D. Áo nam body

Câu 201: Đố với tra tay đo, rồi và may lại tay được thực hiện trước BCV:

- A. Vặt sổ vòng nách tay
- B. Ráp sổ tay
- C. Ráp sổ tay, sổ thân
-  D. Tra tay vào thân

Câu 202: Tra tay đo và tra tay tròn cùng có một điểm chung đó là:

- A. Đố chênh lệch giữa vòng nách trên tay và trên thân
-  B. May lại tay trước khi tra tay vào thân
- C. Phải rút nhún cho vòng nách tay bằng với vòng nách thân trước khi tra tay
- D. Khi tra tay vào thân phải cộm tay, kéo thân tào đố mo trên hết chiều dài nách áo.

Câu 203: Khi may tay phồng dùng lông đèn, bước công việc đầu tiên là:

- A. May lại tay
-  B. Lồng cộm vòng nách và lại tay
- C. Rút nhún đầu tay và lại tay
- D. Tra tay vào thân

Câu 204: Đố với tay phồng, khoảng cách rút nhún vòng nách tay trước khi tra bằng:

-  A. Đố chênh lệch giữa vòng nách trên tay và trên thân
- B. Đố chênh lệch giữa tay căn bản và tay phồng
- C. 2/3 vòng nách tay
- D. Tất cả đều sai

Câu 205: Độ may lồng cộm để nhún tay phồng được may trên:

- A. ½ vòng nách tay
-  B. 2/3 vòng nách tay
- C. ¾ vòng nách tay

D. Cỡ vòng nách tay

Câu 206: Hai đường may lóc cùm tay áo để rút nhún tay phồng, cách nhau:

A. 0, 3cm

 B. 0.5cm

C. 0.6cm

D. 0,7cm

Câu 207: Để các đầu pence không tuột chui, ta phải:

A. Lùi mũi 2 đầu đường may

B. Để chui dài tới 2 đầu pence và gút chui lại

 C. May chuốt nhún 2 đầu pence và may thêm mũi đo lên nữa khoảng 1cm

D. Tất cả đều đúng

Câu 208: Pence thường được ứng dụng trên:

 A. Áo nữ

B. Áo nam

C. Quần nữ

D. Quần nam

Câu 209: Plis thường được may trên:

A. Áo nữ

B. Áo nam

 C. Quần tây nam nữ

D. Trang phục bikini kiểu nữ

Câu 210: Pence hoặc plis bị vênh sau khi may xong là do:

A. Không chuốt nhún đầu pence, hoặc plis

B. May xong không ủi

 C. 2 cấn pence hoặc plis không trùng nhau khi may

D. Tất cả đều đúng

Câu 211: Tay áo sau khi tra xong, đầu tay không mo tròn là do:

A. Không rút nhún cho vòng nách trên tay và trên thân đầu nhau

 B. Không cùm tay, đẩy thân về vị trí đầu vai khi may

C. Không dàn đều dãi cạp tay trên hết chiều dài vòng nách

D. Kéo tay đẩy thân khi tra tay

Câu 212: Thân bị nhăn sau khi tra tay xong là do:

A. Kéo tay đẩy thân, làm thân bị dẹt, tay thiêu tới vị trí nhăn

 B. Kéo thân, đẩy tay làm thân bị thiêu, tay dẹt tới vị trí nhăn

C. Không cùm vòng nách trên tay cho bằng với trên thân

D. Tất cả đều sai

Câu 213: Tra tay trực vào thân sau, tay sau vào thân trực sẽ gây ra sai hỏng:



- A. Tay bị vẩn
- B. Vòng nách tay không được mo tròn
- C. Thân bị nhăn nhủ
- D. Tay không êm, phẳng

Câu 214: Tay bị nhủ sau khi tra xong là do:



- A. Vòng nách tay quá dẹt so với vòng nách thân
- B. Kéo thân đẩy tay trong quá trình tra
- C. Cầm thân, kéo tay trong quá trình tra tay
- D. Tập trung phần cầm vào vị trí đầu vai

Câu 215: Đầu cầm tay tập trung quá nhiều tại vị trí đầu vai sẽ gây ra sai hỏng:



- A. Đầu tay không mo tròn đều
- B. Tra tay bị thiêu
- C. Tra tay bị dẹt
- D. Thân không êm, nhăn vẩn

Câu 216: Không cách tiếp đúng tra tay vào thân đến mép với không đều nhau là nguyên nhân gây ra sai hỏng:

- A. Đầu tay không mo tròn đều
- B. Tay không tròn, không mịn
- C. Tay không đúng bị quặp ra sau
- D. Đúng tra tay không tròn



Câu 217: Điểm đầu tay lệch nhiều so với điểm chạm vai về phía thân trực là nguyên nhân gây ra sai hỏng:



- A. Tay bị lằng
- B. Tay bị quặp
- C. Tay không đúng
- D. Tay không mo tròn

Câu 218: Tay bị lằng là tay:



- A. Tay không đúng, dẹt nhiều về phía trực
- B. Tay không đúng, dẹt nhiều về phía sau
- C. Tay song song với thân trực
- D. Tất cả đều đúng

Câu 219: Cột tay sai cạnh sẽ dẫn đến sai hỏng:

- A. Tay bị lằng
- B. Tay bị quặp
- C. Tay bị vẩn
- D. Vòng nách trên tay dẹt nhiều so với vòng nách trên thân



Câu 220: Ngã t₀ nách là điểm

- A. Giao nhau giữa điểm đầu tay và s₀n thân
- ☒ B. Giao nhau giữa s₀n tay và s₀n thân
- C. Giao nhau giữa điểm đầu tay và đ₀ ch₀m vai
- D. Giao nhau giữa điểm đầu tay và vai con

Câu 221: Khi tra tay, điểm đầu tay đặt trùng với:

- ☒ A. Điểm ch₀m vai
- B. Điểm vai con
- C. Ngã t₀ nách
- D. Cách vai con 2cm

Câu 222: Tên của tay áo trong hình là:



- A. Tay ph₀ng
- B. Tay h₀t
- ☒ C. Tay cánh tiên
- D. Tay cánh h₀ng

Câu 223: Tên của tay áo trong hình trên:



- ☒ A. Tay loe
- B. Tay h₀t

- C. Tay phồng
- D. Tay thòong

Câu 224: Vị trí lầy dều túi trên áo nam

- A. Túi vai con lầy xuống 17 –18cm, túi đỉnh đo vào 4 – 5cm
- B. Túi vai con lầy xuống 19 –20cm, túi đỉnh đo vào 4 – 5cm
- C. Túi vai con lầy xuống 17 –18cm, túi đỉnh đo vào 6 – 7cm



- D. Túi vai con lầy xuống 19 –20cm, túi đỉnh đo vào 6 – 7cm

Câu 225: Thành phẩm nẹp khuy đối với áo nam thông dụng:

- A. 2 cm
- B. 2,5cm
- C. 3 cm



- D. 3,5cm

Câu 226: Nếu áo chỉ có một túi sẽ được may vào:



- A. Nếu áo nam thì may bên nẹp khuy, áo nữ may vào bên nẹp nút
- B. Áo nữ may vào bên nẹp khuy, áo nam may vào bên nẹp nút
- C. Tùy thuộc vào sở thích người mặc
- D. Tùy thuộc vào sở thích người may

Câu 227: Để miêng túi được bền chắc, người ta thông dụng:



- A. May chèn 2 đầu miêng túi bằng 2 đường chỉ song song hoặc hình tam giác
- B. Lùi mũi khâu lên tới 2 đầu đường may
- C. Chêm một miếng vải vào 2 đầu trong khi tra túi vào thân
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 228: Đường tra túi vào thân đối với áo nam dụng:

- A. 1mm và 5mm xung quanh túi
- B. 1mm xung quanh túi
- C. 5mm xung quanh miêng túi và thêm một đường chéo hình tam giác 1mm ở miêng túi



- D. 1mm xung quanh túi và thêm một đường 5mm ở miêng túi

Câu 229: Đường may nẹp áo bẻ nhãn vắn là do:

- A. Cột nẹp sai cạnh sợi
- B. Lỗi sai qui cách làm bai giãn nẹp
- C. Khi may tay không vuông góc



- D. Tất cả đều đúng

Câu 230: Đường may nẹp áo bẻ nhãn là do:

- A. Nẹp bẻ bai giãn sau khi ủi định hình
- B. Thao tác tay không vuông góc khi may định hình nẹp
- C. Chỉ trên dùi căng, không đóp



D. Tất cả đều đúng

Câu 231: Lai áo vạt bâu bẻ nhún vún sau khi may là do

A. Không vạt sò tróc khi may

B. Vạt sò lồi làm cho lai không đều và bai giãn



C. Không may cùm mọt đúng cách mép vạt 0,5cm

D. Khi may không cùm thân để lai áo bị bai giãn

Câu 232: Thao tác tay không đúng khi may lai làm lai vạt bâu bẻ bai giãn sò dòn dòn sai hỏng:

A. Hai đều lai không bằng nhau



B. Lai bẻ vún

C. Lai bẻ nhún

D. Lai bẻ nhún vạt

Câu 233: May lai không đều mép vạt là nguyên nhân gây ra sai hỏng:



A. Nếp áo so le

B. Lai không ôm vào ngói mọt

C. Lai bẻ sọt mí

D. Le mép lai ra mọt phôi thân tróc

Câu 234: Trổ lòn, trổ nhò trong trổ tay manchette được ép keo:

A. Keo vạt

B. Keo giầy

C. Vải mỏng keo vạt, vải dày keo giầy



D. Vải mỏng keo giầy, vải dày không ép keo

Câu 235: Mang tay lòn là khoing cách:

A. Trổ đúng sọt tay sau đến vị trí xò

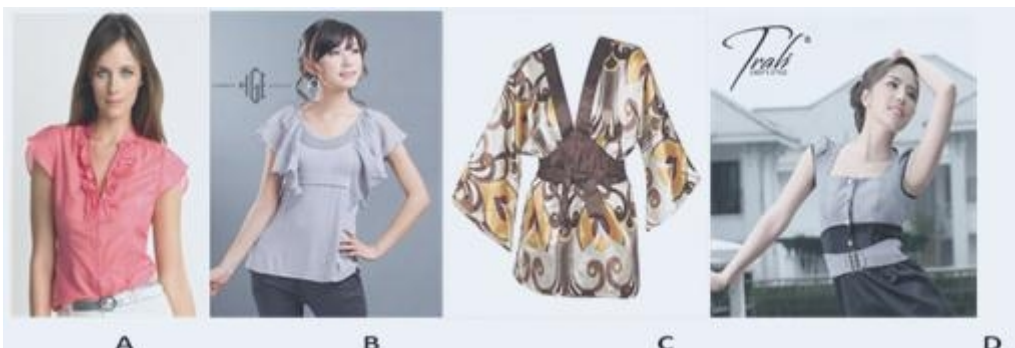


B. Trổ đúng sọt tay trước đến vị trí xò

C. Trổ đúng sọt tay đến vị trí xò

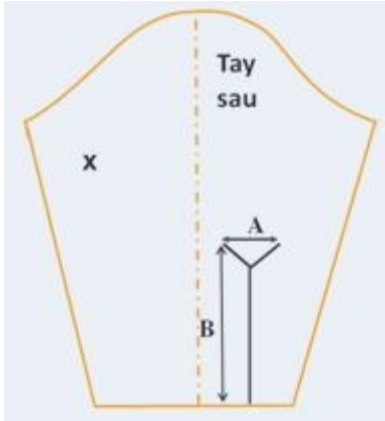
D. Trổ đúng bọng tay đến vị trí xò

Câu 236: Hình trên mô tả:



- A. A tay loe; B tay phồng; C tay hắt; D tay cánh tiên
- ☒ B. A tay cánh hòng, B tay cánh tiên; C tay loe, D tay hắt
- C. A tay phồng; B tay cánh tiên; C tay loe, D tay hắt
- D. A tay cánh tiên; B tay phồng; C tay loe; D tay căn bôn

Câu 237: Thông số của A và B:



- A. A = 0,5cm; B = 10 – 11cm
- B. A = 0,5cm ; B = 12 – 13cm
- ☒ C. A = 1cm ; B = 10 – 11cm
- D. A = 1cm; B = 12 – 13cm

Câu 238: Đường xẹp tay hòng v:

- ☒ A. Tr tay lòn
- B. Tr tay nh
- C. Đường sòng tay
- D. Đường bòng tay

Câu 239: Khi tra manchette vào tay theo kiểu bầu so 7mi, tr tay và manchette so le là do:

- A. Đút tr tay bằng hoặc d ra so với manchette 1mm
- B. Điều chỉnh phom manchette t đường i b c chân manchette
- C. Chiều dài manchette không kh p với thành phom của tay
- ☒ D. Tất cả đều đúng

Câu 240: Có thể tra k p manchette, khi may l n manchette ta phải lưu ý:

- A. May ch nh p d u manchette n u manchette tròn, đút ch n u manchette vuông
- B. H i kéo và vu t nh l p manchette d i
- ☒ C. B c chân manchette trong ô m sát v i manchette ngoài
- D. Ch a mép v i chân manchette trong ít nh t 7mm

Câu 241: Sau khi tra k p, manchette trong b s p mí là do:

- A. Không đ Manchette d ra so v i tr tay 1mm
- ☒ B. Manchette trong không d ra so v i manchette ngoài ít nh t 1mm

- C. Có 2 phương án đều đúng
- D. Có 2 phương án đều sai

Câu 242: Quên đui thông được may bằng đường may:



- A. May lộn
- B. May diều
- C. May can
- D. May ép

Câu 243: Khi ráp đáy quần đui, 2 ống quần được lộn:



- A. Ống thò 1 có bẻ mọt ra ngoài, ống thò 2 có bẻ trái ra ngoài
- B. 2 ống đều lộn trái ra ngoài
- C. 2 ống đều lộn phải ra ngoài
- D. Tất cả đều sai

Câu 244: Khi thọc hiên đường may lộn ta phải



- A. Sẻ đường chỉ cùng màu với sp
- B. Sẻ đường chỉ khác màu với sp
- C. Sẻ đường chỉ có chỉ sỏ nhò
- D. Sẻ đường chỉ tùy ý

Câu 245: Trên tà áo dài,áo bà ba người ta sẽ dùng đường may nào



- A. Đường may lộn, đường may luôn
- B. Đường may lộn, đường may vút ch V
- C. Đường may luôn, đường may vút ch I
- D. Đường may luôn, đường may vút ch V

Câu 246: Trên lai quần tây, lai áo kiêu người ta thường sẽ dùng đường may nào



- A. Đường may tời, đường may lộn
- B. Đường may tời, đường may luôn
- C. Đường may tời, đường may vút
- D. Đường may lộn, đường may luôn

Câu 247: Người ta thường sẽ dùng đường may luôn trên sên phom nào sau đây



- A. Áo sỏ mi
- B. Quần tây
- C. Áo jacket
- D. Áo dài, áo bà ba

Câu 248: Người ta thường sẽ dùng đường may luôn trên tà áo dài, áo bà ba vì:

- A. Sp sau khi may xong trông mềm mại hơn
- B. Sp sau khi may xong bền, đẹp hơn

C. Sp sau khi may xong không bị bai giãn



D. Sp sau khi may xong không lỏ chỉ ra ngoài đút đút tính thêm mề cao

Câu 249: Lựa chọn chỉ để thực hiện đường may luôn



A. Sợi đường chỉ cùng màu với sp

B. Sợi đường chỉ khác màu với sp

C. Sợi đường chỉ có độ bền màu cao hơn sợi phom

D. Sợi đường chỉ có độ bền màu thấp hơn sợi phom

Câu 250: Để vắt lai áo, lai quần để bả ta phải



A. Sợi đường chỉ độn cùng màu với sp

B. Sợi đường chỉ đôi cùng màu với sp

C. Sợi đường chỉ có chỉ số cao

D. Sợi đường chỉ có chỉ số thấp

Câu 251: Trình bày cách thức khi thực hiện đường may lổc



A. Thực hiện từ trái sang phải

B. Thực hiện từ phải sang trái

C. Thực hiện từ trên xuống dưới

D. Thực hiện từ dưới lên trên

Câu 252: Trên áo sơ mi, áo kiểu người ta thường sử dụng



A. Khuy chỉ thừng, khuy tay

B. Khuy chỉ thừng, khuy mặt phom

C. Khuy tay, Khuy đầu tròn

D. Khuy tay, Khuy mặt phom

Câu 253: Loại khuy nào thường được sử dụng trên áo vest - sợi phom cao cấp

A. Khuy tay

B. Khuy chỉ thừng

C. Khuy đầu tròn



D. Khuy mặt phom

Câu 254: Khuy vòng chỉ và con bả thường được sử dụng trên sp

A. Áo bà ba, áo sơ mi, xây trờ em



B. Áo bà ba, áo dài, xây trờ em

C. Áo bà ba, áo dài, để kiểu

D. Áo bà ba, xây trờ em, để bả

Câu 255: Người ta thường sử dụng nút bấc trên:

A. Quần tây, áo sơ mi, xây trờ em

B. Quần tây, áo jacket, xây trờ em

C. Để pyjama, áo vest, áo kiểu



D. Trên tất cả các sản phẩm nam, nữ

Câu 256: Chiều dài thành phẩm con bít trên áo dài

A. 0.2 cm

B. 0.3 cm



C. 0.5 cm

D. 0.7cm

Câu 257: Úp hai mặt phôi của sp vào nhau may một đường theo đường thành phẩm là bước đầu tiên của



A. Đường may can

B. Đường may lộn

C. Đường may diều

D. Đường may ép

Câu 258: Úp hai mặt trái của sp vào nhau may một đường theo đường thành phẩm là bước đầu tiên của

A. Đường may can, đường may diều

B. Đường may lộn, đường may diều



C. Đường may lộn, đường may ép

D. Đường may lộn, đường may can

Câu 259: Số đường dây viền bằng với cạnh xéo đũa viền tròn vòng nách thì

A. Sản phẩm sẽ bị nhăn, vênh

B. Sản phẩm sẽ khó thực hiện



C. Sản phẩm sẽ êm và đẹp hơn

D. Sản phẩm sẽ bền chắc

Câu 260: Cho thành phẩm SP viền tròn chiếc là 0.7cm thì dây viền phôi cắt

A. 2.5 cm

B. 2.6 cm

C. 2.7 cm



D. 2.8 cm

Câu 261: Cho BTP dây viền tròn chiếc là 3.4cm hỏi TP viền là bao nhiêu

A. 0.2cm

B. 0.4cm

C. 0.6cm



D. 0.8cm

Câu 262: Cho thành phẩm SP viền tròn đôi là 0.7cm thì phôi cắt dây viền

A. 3cm

B. 3.2cm

C. 3.4cm



D. 3.6cm

Câu 263: Cho BTP dây viền tròn đôi là 3,4cm thì thành phần viền là

A. 0.3cm

B. 0.4cm



C. 0.5cm

D. 0.6cm

Câu 264: Công việc nào sau đây không thuộc qui trình may viền tròn chỉc

A. Cắt dây viền



B. Ép keo dây viền

C. Rà dây viền

D. May béc viền

Câu 265: Công việc nào sau đây không thuộc qui trình may viền dúp lút vô trong

A. Bơm xéo tối nhđng chđ có đđđng cong lđn nhđt

B. Mí 1mm lên nđp



C. Rà cđnh ngoài dây viền

D. May dây viền vào sp

Câu 266: Bđđc công việc nào sau đây không nđm trong qui trình may viền dúp lút ra ngoài

A. Bơm xéo tối nhđng chđ có đđđng cong lđn nhđt

B. Mí 1mm lên nđp và thân

C. May dây viền vào sp



D. Lđđc và vđt cđnh ngoài nđp

Câu 267: Lút mép vđi đđ sang phđn nđp và mí 1mm lên nđp là mđt trong nhđng bđđc công việc cđa

A. Qui trình may viền tròn đôi

B. Qui trình may viền tròn chỉc

C. Qui trình may viền dúp lút vô trong



D. Qui trình may viền dúp lút ra ngoài

Câu 268: Lút mép vđi đđ sang phđn nđp và mí 1mm lên nđp và thân là mđt trong nhđng bđđc công việc cđa

A. Qui trình may viền tròn đôi

B. Qui trình may viền tròn chỉc

C. Qui trình may viền dúp lút vô trong



D. Qui trình may viền dúp lút ra ngoài

Câu 269: Rà gđp cđnh ngoài nđp là mđt trong nhđng bđđc công việc cđa

A. Qui trình may viền tròn đôi

B. Qui trình may viền tròn chỉc

C. Qui trình may viền dúp lút vô trong



D. Qui trình may viền dóp lút ra ngoài

Câu 270: Đố sau khi may xong thành phom viền dóp lút vô trong là 3cm thì cấn phải cắt BTP nẹp viền là bao nhiêu

A. 3 cm



B. 3,5cm

C. 4 cm

D. 4,5 cm

Câu 271: Đố cắt đố c BTP nẹp c của đố ng x không tr ta cấn sang dều



A. Vòng c, vai con

B. Vòng c, vai con, vòng nách

C. Vòng c, vai con, đố ng ngang ng c

D. Vòng c, vòng nách, đố ng ngang ng c

Câu 272: Chiều dài thành phom đố ng x không tr là 17cm thì chiều dài c của nẹp tr là bao nhiêu

A. 17cm

B. 18cm

C. 19cm



D. 20cm

Câu 273: Đố ng x không tr thông đố c ng đố ng trên s phom:



A. C không bầu

B. C bầu lá sen

C. C bầu danton

D. C lãnh t

Câu 274: Yêu cầu kĩ thuật của đố ng x không tr



A. Tr thông, góc nh, không b nh, không b góc

B. Tr thông, góc nh, không b nh, không s p mí

C. Tr thông, góc nh, c áo đ i x ng, đố ng diều thông đ

D. Tr thông, góc nh, c áo đ i x ng, không s p mí

Câu 275: Khi may ch n l i gà c của đố ng x hai tr ta s p x p

A. Nẹp khuy n m d i, nẹp nút n m trên

B. Nẹp nút n m d i, nẹp khuy n m trên



C. Theo câu nam t n h u

D. Tùy ý

Câu 276: B c công việc nào sau đây không n m trong qui trình may đố ng x không tr

A. Ép keo nẹp tr

B. May đ nh hình đố ng x tr

C. Bơm xỏ trỏ



D. May chôn lỏi gà

Câu 277: Đố hân chố hiên tồong bở góc khi bơm lỏi gà trong đồong xỏ hai trỏ thì



A. Ép 1 miông keo nhỏ ở môt trái ngay góc xỏ trỏ

B. Ép 1 miông keo nhỏ ở môt phải ngay góc xỏ trỏ

C. Ép 1 miông keo lớn ở môt trái ngay góc xỏ trỏ

D. Ép 1 miông keo lớn ở môt phải ngay góc xỏ trỏ

Câu 278: Bỏc công vớic nào sau đây không nằm trong qui trình may đồong xỏ hai trỏ

A. May đính hình đồong xỏ trỏ

B. Bơm xỏ trỏ

C. Diều lỏt khe nỏp nút



D. Vắt V nỏp trỏ

Câu 279: Sau khi diều lỏt khe nỏp khuy, nỏp nút trong qui trình may đồong xỏ hai trỏ, bỏc tiếp theo là

A. Diều lỏt khe nỏp khuy

B. Chôn lỏi gà

C. Bơm xỏ trỏ



D. May hoàn chỉnh nỏp trỏ

Câu 280: Lỏi keo đợc sỏ dờng đờ ép nỏp không trỏ là



A. Keo giớy

B. Keo vớic

C. Keo lỏi

D. Tùy ý

Câu 281: Yêu cầu kĩ thuật khi may đính hình đồong xỏ hai trỏ



A. Hai đồong may đính hình phải song song và bằng nhau

B. Hai đồong may đính hình phải song song và không bị tuột chỏ

C. Hai đồong may đính hình phải bằng nhau và đời xỏng

D. Hai đồong may đính hình phải bằng nhau và không bị nhăn

Câu 282: Câu nói “nam tở nỏ hỏu” khi áp dờng trên đồong xỏ hai trỏ có nghĩa

A. Nỏp khuy trên áo nỏ nằm bên trái, nỏp khuy trên áo nam nằm bên phải

B. Nỏp nút trên áo nỏ nằm bên trái, nỏp nút trên áo nam nằm bên phải

C. Nỏp nút trên áo nam nằm bên trái, nỏp nút trên áo4 nỏm bên phải



D. Nỏp khuy trên áo nam nằm bên trái, nỏp khuy trên áo nỏ nằm bên phải

Câu 283: Trình bày ỏu đờm khi nỏi thun ta đờt chờng hai mép thun lên nhau



A. Giúp cho sp bởn chớc

B. Giúp cho sp đờp hỏn

- C. Giúp cho sp không bị cộm
- D. Giúp cho đường tra thun đều hơn

Câu 284: Trình bày ưu điểm chính khi ta dệt hai mép thun nối sát nhau

- A. Giúp cho sản phẩm bền chắc
- B. Giúp cho sản phẩm đẹp hơn
-  C. Giúp cho sản phẩm không bị cộm
- D. Giúp cho đường tra thun đều hơn

Câu 285: Trình bày nhược điểm chính khi ta dệt hai mép thun nối sát nhau

-  A. Làm cho sp không bền
- B. Làm cho sp nhăn nhú
- C. Làm cho sp bị cộm
- D. Làm cho sp khó tháo hiên

Câu 286: Trình bày ưu điểm khi nối thun ta dệt chồng hai mép thun lên nhau

-  A. Giúp cho sp bền chắc
- B. Giúp cho sp đẹp hơn
- C. Giúp cho sp không bị cộm
- D. Giúp cho đường tra thun đều hơn

Câu 287: Trình bày nhược điểm chính khi ta dệt nối hai mép thun chồng lên nhau 1cm

- A. Làm cho sp không bền
- B. Làm cho sp nhăn nhú
-  C. Làm cho sp bị cộm
- D. Làm cho sp khó tháo hiên

Câu 288: Khi tra thun quần đơ bẻ ngói ta thường sử dụng loại thun có bề rộng

- A. 1cm
- B. 1.5cm
- C. 2cm
-  D. Phế thuốc vào bồn lóng

Câu 289: Khi tra thun quần cưa em bé ngói ta thường sử dụng loại thun có bề rộng

-  A. 0.5cm
- B. 1cm
- C. 1.5cm
- D. 2cm

Câu 290: Tháo và tra loại thun nhiều lần sẽ gây ra sai hỏng

- A. Loại quần bị lóng chổ
-  B. Loại quần bị bai giãn
- C. Loại quần bị nhăn vón

D. Lồng quần bên ngoài cá

Câu 291: Đố thiết kó đáp túi dúc kiểu 1 ta đưa vào

A. Đố đing chính trung thân tróc



B. Đố đing sồn + lồng thân tróc

C. Đố đing sồn + lồng thân sau

D. Đố đing sồn + đố đing chính trung

Câu 292: Miếng túi trên của túi dúc cách lồng quần tây

A. 2cm - 3cm



B. 3cm - 4cm

C. 4cm - 5cm

D. 5cm - 6cm

Câu 293: Khi thiết kó lót túi dúc ta đưa vào



A. Đố đing chính trung thân tróc + đố đing sồn + lồng thân tróc

B. Đố đing chính trung thân tróc + đố đing sồn + lồng thân sau

C. Đố đing chính trung thân tróc + đố đing sồn + đố đing vòng đáy tróc

D. Đố đing chính trung thân tróc + đố đing sồn + đố đing vòng đáy sau

Câu 294: Sau khi may định hình miếng túi dúc bước tiếp theo sẽ là

A. May lên lót túi



B. Mí đáp túi

C. Diều miếng túi

D. Ráp sồn

Câu 295: Sau khi diều miếng túi dúc bước tiếp theo sẽ là:

A. May chèn miếng túi

B. Mí đáp túi

C. Diều miếng túi



D. Ráp sồn

Câu 296: Trong qui trình may túi dúc tróc khi ráp sồn thì phải

A. May chèn miếng túi

B. Mí đáp túi



C. Diều miếng túi

D. Ráp sồn

Câu 297: Bề rộng của lót túi dúc tính từ đố đing chính trung vào



A. 2cm-3cm

B. 3cm-4cm

C. 4cm-5cm

D. 5cm-6cm

Câu 298: Nếu quần tây có may túi đực thì BTP chuẩn bị số phôi



A. Vết số rồi đẽong số

B. Vết số kép đẽong số

C. Tùy ý

D. Không vết số

Câu 299: Chiều dài của túi đực đẽc tính

A. Trung bình từ 13cm – 15cm



B. Trung bình từ 15cm – 17cm

C. Tùy thuộc vào chiều dài của quần

D. Tùy thuộc vào số thích của mỗi người

Câu 300: Nguyên nhân nào dũi đây dẫn đến miêng túi đực sau may xong bị hõ góc

A. Diều miêng túi bị bai giãn



B. Ráp số ngoài không đúng đẽng thành ph

C. Bm lũi gà bị b

D. Không ép keo miêng túi

Câu 301: Nguyên nhân nào dũi đây dẫn đến miêng túi đực sau may xong không m túi đẽc

A. Ráp số ngoài không đúng đẽng thành ph

B. Bm lũi gà bị b

C. Ép keo kín miêng túi



D. Ráp số dẽ lên miêng túi

Câu 302: Ép keo vũi lên bầu lá sen số

A. Làm cho lá c l ra không tròn đ

B. Làm cho số ph không m m

C. Làm cho số ph không ôm vào thân



D. Tất c các câu đ

Câu 303: Ép keo vũi lên bầu lá sen số

A. Làm cho lá c l ra không tròn đ

B. Làm cho số ph không m m

C. Làm cho số ph không ôm vào thân



D. Tất c các câu đ

Câu 304: Dây vi n đẽc số đẽng đ tra bầu lá sen có canh số

A. Ngang

B. Thng



C. Xéo

D. Dẽc

Câu 305: Khi may áo cổ không bầu ta phải

-  A. Ráp vai con trên thân, ráp vai con trên nẹp rồi may nẹp vào thân
- B. May nẹp theo thớ tằm vào thân trước, thân sau của áo rồi ráp vai con
- C. May tùy ý
- D. May nẹp theo thớ tằm vào thân sau, thân trước của áo rồi ráp vai con

Câu 306: Các đường cổ không bầu là các đường:

- A. Cổ tròn, cổ tim, cổ lãnh tằm, cổ thuyền
- B. Cổ tròn, cổ tim, cổ lãnh tằm, cổ lồng giắc
- C. Cổ tròn, cổ tim, cổ lãnh tằm, cổ vuông
-  D. Cổ tròn, cổ tim, cổ thuyền, cổ vuông

Câu 307: Cổ chữ U là đường cổ

- A. Vuông
- B. Tròn
- C. Thuyền
-  D. Vuông nhưng có 4 góc tròn

Câu 308: Áo Cổ lồng giắc có đặc điểm

-  A. Cổ áo có 5 cấn
- B. Cổ áo có 5 cấn cài nút ở phía trước
- C. Cổ áo có 5 cấn cài nút ở phía sau
- D. Cổ áo có 5 cấn và chui đầu

Câu 309: Bề rộng dây viền được sử dụng khi tra cổ bầu lá sen

- A. $2 \times (2TP \text{ viền} + 0.2\text{cm})$
-  B. $2 \times (3TP \text{ viền} + 0.2\text{cm})$
- C. $2 \times (4TP \text{ viền} + 0.2\text{cm})$
- D. $2 \times (5TP \text{ viền} + 0.2\text{cm})$

Câu 310: Khi tra bầu lá sen vào thân, đầu lá bầu đặt tại vị trí:

- A. Cách đỉnh áo 1cm
- B. Cách đỉnh áo 1.5cm
- C. Ngay đường đỉnh áo
-  D. Ngay đường cài nút

Câu 311: Trong qui trình may bầu lá sen sau bước may lộn lá cổ là

- A. Ép keo+sang đầu lá cổ
-  B. Gặt lộn lá cổ
- C. Tra bầu vào thân
- D. May mí chân cổ

Câu 312: Trong qui trình may bầu lá sen tróc khi mí chân cò ta phải

- A. Ép keo+sang dều lá cò
- B. Gột lòn lá cò
-  C. Tra bầu vào thân
- D. Lầy dậu 3 điểm kò thuật

Câu 313: 3 điểm bốt buóc trùng nhau trên thân tróc và nẹp ve bầu danton

- A. Điểm giữa cò sau, 2 điểm vai con
- B. Điểm giữa cò sau, 2 điểm đầu ve
-  C. Điểm đầu ve, mề ve và bệ ve
- D. Điểm bệ ve và 2 điểm đầu ve

Câu 314: Keo đóc sò dùng để ép nẹp ve của bầu danton là

- A. Keo vôi
-  B. Keo giầy
- C. Keo lòn i
- D. Keo mừng

Câu 315: Bước công việc nào sau đây không nằm trong qui trình may bầu danton

-  A. Ép keo chân ve + sang dều
- B. May lòn bầu áo
- C. Tra bầu vào thân
- D. Mí chân cò

Câu 316: Cần phải lầy dều những vị trí trùng khớp nào khi tra tay vào thân áo

- A. Sòng tay trùng điểm giữa vòng nách, tay tróc vào thân sau, tay sau vào thân sau
-  B. Sòng tay trùng chòm vai, tay tróc vào thân tróc, tay sau vào thân sau
- C. Sòng tay trùng chòm vai, tay tróc vào thân sau, tay sau vào thân sau
- D. Sòng tay trùng chòm vai, tay tróc vào thân sau, tay sau vào thân tróc

Câu 317: Trong qui trình tra tay sau khi ghép lại tay + may lại tay thì bước tiếp theo sẽ là

-  A. Ráp sò n tay
- B. May còm vòng nách
- C. Ráp sò n thân + ráp vai con
- D. Tra tay vào thân

Câu 318: Tay áo bị cọt sai cạnh sò i sò gây ra sai hỏng gì?

- A. Tay bị đá vò tróc
- B. Tay bị đá vò sau
-  C. Tay áo bị vòn
- D. Tay áo bị nhăn rút

Câu 319: Khi tra tay vào thân áo nếu điểm giữa tay bị lệch với thân trước nhiều sẽ gây ra sai hỏng



- A. Tay bị đá vùi trước
- B. Tay bị đá vùi sau
- C. Tay bị xẹp lỵ
- D. Tay không tròn đều

Câu 320: Vòng nách của thân lớn hơn của tay áo ít nhất là bao nhiêu thì được gọi là tay phồng

- A. 1cm
- B. 2cm
- C. 3cm
- D. 4cm



Câu 321: Vòng nách của thân và tay áo hết chênh lệch với nhau là bao nhiêu

- A. Cả hai bằng nhau
- B. Tay lớn hơn thân 1cm
- C. Thân lớn hơn tay 1cm
- D. Tay lớn hơn thân 4cm

Câu 322: Để tay cánh hông may lên có đỡ rũ ta cần cắt tay theo cạnh sợi nào

- A. Cạnh ngang
- B. Cạnh thẳng
- C. Cạnh chéo
- D. Tùy ý



Câu 323: Trình bày sự khác nhau giữa qui trình tra tay tròn và qui trình tra tay đo



- A. Tay tròn vặt sổ trước, tay đo vặt sổ sau
- B. Tay tròn vặt sổ sau, tay đo vặt sổ trước
- C. Tay tròn ráp vai con trước, tay đo ráp vai con sau
- D. Tay tròn ráp vai con sau, tay đo ráp vai con trước

Câu 324: Trình bày được điểm của qui trình tra tay tròn



- A. Vặt sổ, ráp sườn tay, ráp sườn thân rồi tra tay vào thân
- B. Ráp sườn tay, ráp sườn thân rồi vặt sổ, tra tay vào thân
- C. Tra tay vào thân trước rồi vặt sổ, ráp sườn tay sau
- D. Tra tay vào thân trước rồi vặt sổ, ráp sườn thân sau

Câu 325: Trình bày được điểm của qui trình tra tay đo

- A. Vặt sổ, ráp sườn tay, ráp sườn thân rồi tra tay vào thân
- B. Ráp sườn tay, ráp sườn thân rồi vặt sổ, tra tay vào thân
- C. Tra tay vào thân trước rồi vặt sổ, ráp sườn tay + sườn thân sau
- D. Tra tay vào thân trước rồi vặt sổ, ráp sườn thân sau



Câu 326: Câu “nam t₀ n₀ h₀u” đ₀ợc áp d₀ng cho đ₀ng đ₀nh áo s₀mi có nghĩa

- A. N₀p nút c₀a áo nam n₀m bên trái, n₀p nút c₀a áo n₀ n₀m bên ph₀i
- B. N₀p nút c₀a áo nam n₀m bên ph₀i,ut1 c₀a áo n₀ n₀m bên trái
-  C. N₀p khuy c₀a áo nam n₀m bên ph₀i, n₀p khuy c₀a áo n₀ n₀m bên trái
- D. N₀p khuy c₀a áo nam n₀m bên trái, n₀p khuy c₀a áo n₀ n₀m bên ph₀i

Câu 327: V₀ trí c₀a c₀nh túi áo đ₀ợc đ₀t:

-  A. Song song v₀i đ₀ng đ₀nh áo
- B. Song song v₀i đ₀ng s₀n áo
- C. Song song v₀i vai con
- D. Song song v₀i lai áo

Câu 328: Thành ph₀m lai v₀t b₀u c₀a áo s₀mi là

- A. 0.2cm
-  B. 0.5cm
- C. 1cm
- D. 2cm

Câu 329: Trong qui trình may qu₀n đuôi th₀ thao sau khi ráp c₀nh đáy th₀ nh₀t vào thân tr₀ợc ph₀i thì b₀ợc k₀ tiếp s₀ là:

-  A. Ráp c₀nh đáy th₀ hai vào thân tr₀ợc trái
- B. Ráp c₀nh đáy th₀ hai vào thân sau trái
- C. Ráp c₀nh đáy th₀ hai vào thân sau ph₀i
- D. Ráp c₀nh đáy th₀ ba vào thân tr₀ợc ph₀i

Câu 330: Trong qui trình may qu₀n đuôi th₀ thao ng₀ợi ta th₀ng s₀ d₀ng lo₀i đ₀ng may nào

- A. Đ₀ng may l₀n
-  B. Đ₀ng may ép
- C. Đ₀ng may can
- D. Đ₀ng may t₀i

Câu 331: Khi ráp hai đ₀ng s₀n ngoài c₀a qu₀n đuôi th₀ thao ng₀ợi ta th₀ng s₀ d₀ng lo₀i đ₀ng may nào sau đây

- A. Đ₀ng may l₀n
-  B. Đ₀ng may ép
- C. Đ₀ng may can
- D. Đ₀ng may t₀i

Câu 332: Khi ráp hai đ₀ng s₀n ngoài c₀a qu₀n đuôi th₀ng (chỉ ti₀t có v₀t s₀) ta s₀ d₀ng đ₀ng may nào sau đây

- A. Đ₀ng may l₀n
- B. Đ₀ng may ép
-  C. Đ₀ng may can
- D. Đ₀ng may t₀i

Câu 333: Khi ráp hai đ₀ng s₀n trong c₀a qu₀n đuôi th₀ng (chỉ ti₀t không v₀t s₀) ta s₀ d₀ng lo₀i đ₀ng may nào sau

đây



- A. Đòng may lộn + đòng may ép
- B. Đòng may ép + đòng may can
- C. Đòng may can + đòng may lộn
- D. Đòng may tời + Đòng may can

Câu 334: Trình bày cách thức khi may đòng vòng đáy của quần đơ b (chi tiết có vết s)



- A. Lộn mặt đòng quần ra một trái, mặt đòng quần ra một phải, lộn cho hai mặt phải của hai vòng đáy úp vào nhau rồi may vòng đáy theo đòng thành phẩm
- B. Lộn mặt đòng quần ra một trái, mặt đòng quần ra một phải, lộn cho hai mặt trái của hai vòng đáy úp vào nhau rồi may vòng đáy theo đòng thành phẩm
- C. Lộn hai đòng quần ra một trái, lộn cho hai mặt trái của hai vòng đáy úp vào nhau rồi may vòng đáy theo đòng thành phẩm
- D. Lộn hai đòng quần ra một phải, lộn cho hai mặt trái của hai vòng đáy úp vào nhau rồi may vòng đáy theo đòng thành phẩm

Câu 335: Trình bày cách thức khi may đòng vòng đáy của quần đơ b (chi tiết không vết s)



- A. Lộn mặt đòng quần ra một trái, mặt đòng quần ra một phải, lộn cho hai mặt phải của hai vòng đáy úp vào nhau rồi may vòng đáy theo đòng thành phẩm
- B. Lộn mặt đòng quần ra một trái, mặt đòng quần ra một phải, lộn cho hai mặt trái của hai vòng đáy úp vào nhau rồi may vòng đáy theo đòng thành phẩm
- C. Lộn hai đòng quần ra một trái, lộn cho hai mặt trái của hai vòng đáy úp vào nhau rồi may vòng đáy theo đòng thành phẩm
- D. Lộn hai đòng quần ra một phải, lộn cho hai mặt trái của hai vòng đáy úp vào nhau rồi may vòng đáy theo đòng thành phẩm

Câu 336: Trong qui trình may quần đơ b trước khi tra thun vào lộn quần thì ta phải:



- A. Ráp đòng s ngoài
- B. Ráp đòng s trong
- C. May vòng đáy quần
- D. Vết s chi tiết

Câu 337: Trình bày cách rút dún tay phồng



- A. May hai đòng song song bồng chỉ thưa và không lộn mặt hai đầu
- B. May hai đòng song song bồng chỉ thưa và lộn mặt hai đầu
- C. May hai đòng song song bồng chỉ nhót và không lộn mặt hai đầu
- D. May hai đòng song song bồng chỉ nhót và lộn mặt hai đầu

Câu 338: Cho biết bước công việc nào sau đây không có trong qui trình tra tay phồng



- A. May lộn vòng nách bồng chỉ nhót
- B. Rút dún vòng nách
- C. May lại tay + ráp s tay
- D. Tra tay vào thân

Câu 339: Yêu cầu kỹ thuật khi may pence áo



- A. Đầu pence nhón, pence không nhấn rút, đơm bèo thông s thành phẩm
- B. Đầu pence nhón, pence không b nhấn rút

- C. Đều pence nhón, pence không bị vón
- D. Đều pence nhón, hai pence dễ xìng

Câu 340: Trình bày cách cắt keo lá cò, chân cò áo sọc mi

- A. Cắt keo chân cò, lá cò bằng thành phẩm
-  B. Cắt keo chân cò, lá cò bằng BTP
- C. Cắt keo chân cò bằng thành phẩm, lá cò bằng BTP
- D. Cắt keo chân cò bằng BTP, lá cò bằng thành phẩm

Câu 341: Keo được sử dụng để ép manchette là

-  A. Keo giấy hoặc keo vải
- B. Keo vải hoặc keo nhót
- C. Keo lỏi hoặc keo giấy
- D. Keo mùng hoặc keo vải

Câu 342: Trình bày cách keo trổ tay, manchette

- A. Trổ tay và Manchette đều cắt keo giấy bằng bán thành phẩm
- B. Trổ tay và Manchette đều cắt keo giấy bằng thành phẩm
-  C. Trổ tay cắt keo giấy bằng bán thành phẩm, Manchette cắt keo vải bằng thành phẩm
- D. Trổ tay cắt keo giấy bằng thành phẩm, Manchette cắt keo vải bằng bán thành phẩm

Câu 343: Trổ tay được ép bằng keo:

-  A. Keo giấy bán thành phẩm
- B. Keo vải thành phẩm
- C. Keo lỏi thành phẩm
- D. Keo hột thành phẩm

Câu 344: Để hột chít lỏi gà bị rơi góc trong qui trình tra trổ tay manchette ta sẽ

- A. Ép mặt miếng keo giấy nhót ngay góc xỏ trổ ở mặt phải của tay
-  B. Ép mặt miếng keo giấy nhót ngay góc xỏ trổ ở mặt trái của tay
- C. Ép mặt miếng keo vải nhót ngay góc xỏ trổ ở mặt phải của tay
- D. Ép mặt miếng keo vải nhót ngay góc xỏ trổ ở mặt trái của tay

Câu 345: Để thành phẩm trổ tay nhót sau khi may xong là 0.8cm thì cần cắt bán thành phẩm là bao nhiêu

- A. 3.1cm
-  B. 3.2cm
- C. 3.3cm
- D. 3.4cm

Câu 346: Mô tả hình dáng của áo sọc mi nam trẻ em

- A. Áo có 1 túi đúp, thân sau có đô và 1 ly chít
- B. Áo có 1 túi đúp, thân sau có đô và 2 ly chít
- C. Áo có 1 túi đúp, thân sau có đô và 1 ly hóp



D. Áo có 1 túi đp, thân sau có đô và 2 ly híp

Câu 347: Qui trình may viền đp lót vô trong

- A. Ép keo níp viền, vót sò cãnh ngoài níp viền
- B. Mí 1mm lên níp
- C. May níp viền lên thân sần phôm
- D. Vót V xung quanh cãnh ngoài của níp



A. ACBD

B. ABDC

C. ABCD

D. ACDB

Câu 348: Qui trình may viền đp lót ra ngoài

- A. Ép keo níp viền + may côm cãnh ngoài níp viền
- C. May níp viền lên thân sần phôm
- B. Mí 1mm lên níp và thân
- D. Diều cãnh ngoài níp viền

A. ABCD

B. ABDC



C. ACBD

D. ACDB

Câu 349: Qui trình may đống xò không tr

- A. Ép keo + xác đnh v trí đống xò trên níp
- B. Diều cãnh níp
- C. May đnh hình đống xò tr
- D. Xò tr + may hoàn chỉnh tr

A. ABCD

B. ABDC



C. ACBD

D. ACDB

Câu 350: Qui trình may đống xò mọt tr

- A. Ép keo + luy dều tr trên thân + trên níp
- B. May đnh hình níp tr
- C. i đnh hình níp
- D. Bm xò tr + tra bầu vô thân + mí chân c
- E. Diều cãnh níp tr

A. ABCDE



B. ACBED

C. ACBDE

D. ACDBE

Câu 351: Qui trình may đống xò mọt tr

- A. Ép keo + luy dau + i đnh hình níp
- C. May đnh hình níp tr
- B. Bm xò tr + tra bầu vô thân + mí chân c trên thân + trên níp
- D. Diều thành phôm tr + khóa chân tr
- E. Diều níp khuy + níp nút



A. ACBED

B. ACBDE

C. CEBDA

D. CADEB

Câu 352: Quy trình may đường xẻ hai tr

A. Ép keo + lầy dũi + ủi định hình nẹp tr

B. May hoàn chỉnh tr

C. May định hình tr

D. Tra c + mí c

E. Bơm xẻ tr + May chôn lổ i gà



A. ACEDB

B. ACEBD

C. ACDBE

D. ACBDE

Câu 353: Quy trình may túi dúc kiểu 1

A. May đáy túi vô lót túi + May lộn lót túi

B. Diều miêng túi + Ráp s

C. May chôn miêng túi

D. May định hình miêng túi + bơm miêng túi

E. Lộn miêng túi + mí đáy túi tr c

F. ủi r s + may cuộn gáy túi + diều đáy túi



A. ADEBFC

B. ADEFCB

C. ADEBCF

D. ADFEBC